

VIỆN HÀN LÂM  
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM  
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

NGÔ THỊ LOAN

**TRIẾT LÝ NHÂN SINH  
TRONG “NGŨ TIÊU Y THUẬT VẤN ĐÁP”  
CỦA NGUYỄN ĐÌNH CHIÊU VÀ Ý NGHĨA  
HIỆN THỜI CỦA NÓ**

**LUẬN VĂN THẠC SĨ TRIẾT HỌC**

**NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC  
TS. PHAN THỊ THU HẰNG**

**HÀ NỘI, 2018**

## **LỜI CAM ĐOAN**

Tôi xin cam kết luận văn này là công trình nghiên cứu khoa học độc lập của tôi. Các tài liệu, tư liệu được sử dụng trong luận văn có nguồn dẫn rõ ràng, các kết quả nghiên cứu là quá trình lao động trung thực của tôi.

**Tác giả luận văn**

**Ngô Thị Loan**

VIỆN HÀN LÂM  
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM  
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

NGÔ THỊ LOAN

**TRIẾT LÝ NHÂN SINH  
TRONG “*NGŨ TIÊU Y THUẬT VẤN ĐÁP*”  
CỦA NGUYỄN ĐÌNH CHIÊU VÀ Ý NGHĨA  
HIỆN THỜI CỦA NÓ**

**LUẬN VĂN THẠC SĨ TRIẾT HỌC**

**NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC  
TS. PHAN THỊ THU HẰNG**

**HÀ NỘI, 2018**

## **LỜI CẢM ƠN**

Lời đầu tiên, tác giả xin bày tỏ lòng biết ơn chân thành và sâu sắc nhất tới TS. Phan Thị Thu Hằng - người hướng dẫn khoa học đã tận tâm, nhiệt tình chỉ bảo hướng dẫn tác giả trong suốt quá trình xây dựng và hoàn thành luận văn!

Tác giả cũng xin bày tỏ lòng biết ơn tới Quý thầy cô trong Khoa Triết học - Học viện khoa học xã hội!

Đồng thời tác giả cũng xin bày tỏ lòng biết ơn tới những người thân trong gia đình, bạn bè, đồng nghiệp trong cơ quan đã động viên, ủng hộ, giúp đỡ tác giả trong suốt quá trình học tập và thực hiện đề tài!

Xin chân thành cảm ơn!

*Hà Nội, ngày 28 tháng 3 năm 2018*

**Tác giả luận văn**

**Ngô Thị Loan**

## MỤC LỤC

<b>MỞ ĐẦU</b> .....	<b>1</b>
<b>Chương 1. BỐI CẢNH LỊCH SỬ - XÃ HỘI VÀ NHỮNG TIỀN ĐỀ TƯ TƯỞNG LÝ LUẬN CHO SỰ HÌNH THÀNH TRIẾT LÝ NHÂN SINH CỦA NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU TRONG “NGƯ TIÊU Y THUẬT VẤN ĐÁP”</b> .....	<b>10</b>
1.1. Bối cảnh lịch sử - xã hội nửa cuối thế kỷ XIX.....	10
1.2. Những tiền đề tư tưởng lý luận cho sự hình thành triết lý nhân sinh của Nguyễn Đình Chiểu trong “ <i>Ngư Tiêu y thuật vấn đáp</i> ” .....	16
1.3. Cuộc đời, sự nghiệp và các tác phẩm tiêu biểu của Nguyễn Đình Chiểu .....	28
<b>Chương 2. MỘT SỐ NỘI DUNG CƠ BẢN VÀ Ý NGHĨA HIỆN THỜI TRIẾT LÝ NHÂN SINH CỦA NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU TRONG TÁC PHẨM “NGƯ TIÊU Y THUẬT VẤN ĐÁP”</b> .....	<b>35</b>
2.1. Đạo sống của con người trước biến cố của lịch sử.....	35
2.2. Quan niệm về Y đạo .....	47
2.3. Ý nghĩa hiện thời triết lý nhân sinh của Nguyễn Đình Chiểu trong “ <i>Ngư Tiêu y thuật vấn đáp</i> ” .....	60
<b>KẾT LUẬN</b> .....	<b>667</b>
<b>DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO</b> .....	<b>70</b>

## MỞ ĐẦU

### 1. Tính cấp thiết của đề tài

Thế kỷ XIX, chủ nghĩa tư bản có sự chuyên mình mạnh mẽ, gắn liền với trào lưu thực dân phương Tây bắt đầu trỗi dậy và xuất hiện những âm mưu xâm chiếm các quốc gia phương Đông làm thuộc địa. Nước Pháp cũng không đứng ngoài vòng xoáy đó.

Là một nhà Nho yêu nước, sống trọn đạo nghĩa với dân, với nước, Nguyễn Đình Chiểu luôn đau đáu một nỗi niềm thương dân vô hạn. Phải làm gì đây để cứu dân, đặc biệt là mạng sống của dân? Sống trong bối cảnh đất nước có biến cố lớn, Nho giáo đang mất dần chỗ đứng, Công giáo đang xâm nhập, nhiều nhà Nho đã chọn cách hoặc là hợp tác với giặc, số khác tìm cách sống ẩn dật giúp an nhàn bản thân, lánh đời. Người người biết đến Nguyễn Đình Chiểu với tư cách nhà Nho, thầy Đồ chuyên dạy học; nhà thơ với phương châm “Dĩ văn tải đạo”. Ngoài ra, Nguyễn Đình Chiểu còn là một thầy thuốc, lặn lội nhiều nơi chữa bệnh cho nhân dân. Ông không chỉ đơn thuần là thầy thuốc chữa bệnh về thể chất cho nhân dân, chăm lo cho sinh mệnh, sức khỏe của nhân dân mà còn là người tìm ra phương thuốc chữa căn bệnh u mê về tinh thần cho người dân, thức tỉnh họ trước nạn ngoại xâm của đất nước. Ông chính là một tấm gương sáng ngời về tinh thần yêu nước thương dân, chống giặc ngoại xâm của dân tộc.

Ngày nay, đất nước đang trong quá trình hội nhập, toàn cầu hóa diễn ra mạnh mẽ. Nền kinh tế thị trường phát huy những tác dụng tích cực giúp cho các nhân có điều kiện làm chủ bản thân để phát triển. Bên cạnh đó, thực tế cũng cho thấy, trong xã hội hiện nay, kinh tế thị trường đã có nhiều tác động tiêu cực tới mọi mặt của đời sống xã hội. Nhiều giá trị sống, chuẩn mực đạo đức bị thay đổi. Con người sống thực dụng, thậm chí vô đạo đức, sẵn sàng lừa dối, thanh toán lẫn nhau, tước đi cả mạng sống con người một cách không thương tiếc. Vì thế, trên cơ sở nghiên cứu những nội dung triết lý nhân sinh của Nguyễn Đình Chiểu

được thể hiện qua tác phẩm “*Ngư Tiều y thuật vấn đáp*”, chúng ta có thể chất lọc được những giá trị, tinh hoa trong các chuẩn mực đạo đức truyền thống còn phù hợp với xã hội Việt Nam hiện nay.

Với mong muốn tìm hiểu về triết lý nhân sinh của Nguyễn Đình Chiểu, đồng thời qua đó góp phần phổ biến hơn ý nghĩa của truyện thơ “*Ngư Tiều y thuật vấn đáp*” trong công cuộc đổi mới, xây dựng, phát triển đất nước hiện nay, người viết đã chọn tìm hiểu “*Triết lý nhân sinh trong “Ngư Tiều y thuật vấn đáp” của Nguyễn Đình Chiểu và ý nghĩa hiện thời của nó*” làm đề tài cho luận văn thạc sỹ triết học của mình.

## **2. Tình hình nghiên cứu đề tài**

Trong dòng chảy của lịch sử tư tưởng Việt Nam, có nhiều nhà tư tưởng góp mặt với nhiều diện mạo khác nhau, tạo nên những dấu ấn riêng của từng tác giả. Từ nét truyền thống đặc thù văn - sử - triết - tôn giáo bất phân ở nhiều quốc gia phương Đông cũng như ở Việt Nam, khi nghiên cứu đến tên tuổi của một tác giả nào đó, chúng ta không thể không đi vào tìm hiểu các sáng tác của họ, qua đó làm nổi bật tư tưởng của họ.

Với trường hợp Nguyễn Đình Chiểu, chúng ta thấy, về cuộc đời và sự nghiệp của ông nói chung và tư tưởng của ông nói riêng, từ lúc ông qua đời đến nay đã được rất nhiều nhà khoa học nghiên cứu trên nhiều phương diện khác nhau như về: cuộc đời và sự nghiệp, thơ văn, văn hóa, y học, tư tưởng, ...

*Nghiên cứu về thân thế và sự nghiệp*, có thể kể đến các tác phẩm nổi bật như: *Tiểu sử cụ Đồ Chiểu* (Tân Văn, số 27, ngày 16 tháng 2 năm 1935, Sài Gòn) của tác giả Mai Huỳnh Hoa, đã trình bày hệ thống các sự kiện nổi bật về nhà thơ Nguyễn Đình Chiểu. Ngoài ra trong *Thư mục và tư liệu về Nguyễn Đình Chiểu* in trong tập *Máy vấn đề về cuộc đời và thơ văn Nguyễn Đình Chiểu* (Viện Văn học, Nxb Khoa học xã hội, in lần thứ hai, 1969), tác phẩm đã tập hợp và hệ

thống hóa các bài nghiên cứu về sự nghiệp của Nguyễn Đình Chiểu với một tình cảm chân thành, nồng hậu và kính trọng.

Tiếp theo các công trình trên, các tác giả sau này đã nghiên cứu thân thế và sự nghiệp của Nguyễn Đình Chiểu có hệ thống và đầy đủ hơn. Trong tác phẩm *Nguyễn Đình Chiểu - Tác phẩm và lời bình* (Nxb Văn học, 2005) hai tác giả Tuấn Thành và Anh Vũ đã phân tích dưới nhiều góc độ khác nhau về cuộc đời và tác phẩm của Nguyễn Đình Chiểu. Hai tác giả đã khai thác tư tưởng nhất quán của ông như yêu nước, thương dân, nhân nghĩa đạo đức,...

*Nghiên cứu về lĩnh vực văn học của Nguyễn Đình Chiểu*, có nhiều công trình tiêu biểu như: *Cuốn Nguyễn Đình Chiểu thơ và đời* (do Nhóm Trí thức Việt tuyển chọn và giới thiệu, Nxb Văn học, 2012). Trong tác phẩm này, nhóm tác giả đã liệt kê toàn bộ các sáng tác của Nguyễn Đình Chiểu (Phần 1), sau đó đi đến trích dẫn 8 bài viết của 8 tác giả viết về Nguyễn Đình Chiểu ở nhiều góc độ khác nhau. Song tựu chung lại đều nhằm làm nổi bật “Cụ thật là Văn Thiên Tường của Việt Nam, đáng được tán tụng bằng những lời thơ chính khí. Cụ thật là người quân tử chân chính của đạo Nho” [56, tr. 241]. Cuốn Nguyễn Ngọc Thiện tuyển chọn và giới thiệu đã tập hợp được rất nhiều bài nghiên cứu và đánh giá Nguyễn Đình Chiểu về cuộc đời, thân thế, sự nghiệp, trong đó có bài viết “*Nguyễn Đình Chiểu - thân thế và sự nghiệp*” [69, tr. 31]. Tác giả cho rằng nội dung tư tưởng trong thơ văn của Nguyễn Đình Chiểu chủ yếu là luôn đặt vấn đề nhân nghĩa lên hàng đầu và nêu lên một chân lý sáng ngời đó là mọi người “phải biết tiếp thu những truyền thống đạo đức tốt đẹp của dân tộc...; Tác phẩm Nguyễn Đình Chiểu toàn tập (gồm hai tập, Nxb Văn học, 1997) do tác giả Ca Văn Thỉnh chủ biên. Công trình này khá đồ sộ và công phu trong việc sưu tầm, chú giải một cách tỉ mỉ về các sáng tác của Nguyễn Đình Chiểu; Tác phẩm Tuyển tập Nguyễn Đình Chiểu do nhóm tác giả Ca Văn Thỉnh, Nguyễn Sỹ Lâm, Nguyễn Thạch Giang biên soạn. Trong đó tác giả Ca Văn Thỉnh nhận xét: “Giá



trị lớn lao ông để lại cho con cháu chính là những ánh hào quang tư tưởng chiếu tỏa từ những tác phẩm ưu tú của ông đã được kết tụ lại như những viên ngọc quý: đó là đạo đức nhân nghĩa yêu nước của ông kết tinh của nguyện vọng và ý chí của người lao động đã từng hy sinh xương máu để dựng nước và giữ nước, ước mơ vươn tới một xã hội công bằng và nhân đạo” [72, tr. 41].

Tác giả Trần Thanh Mai, với bài viết: “*Nguyễn Đình Chiểu, lá cờ trong nền văn thơ yêu nước thời kỳ cận đại*” đã khẳng định: “Tật mù đã đến với ông giữa tuổi thanh xuân cường tráng, đầy mộng đẹp, và ông phải sống bốn mươi năm trời trong cảnh tối tăm mờ mịt ấy. Nhưng chính trong đêm dài ảm đạm đó, đã bùng lên, rực rỡ ánh rạng đông của nền văn chương mới, nền văn chương yêu nước chống ngoại xâm thời kỳ cận đại mà bản thân ông là người dựng lá cờ đầu” [74, tr. 363].

Ngoài ra còn một số tác phẩm tiêu biểu khác như: *Những ngôi sao sáng trên bầu trời văn học Nam Bộ nửa sau thế kỷ XIX* (Nxb Văn nghệ Tp. Hồ Chí Minh, 1990) của tác giả Bảo Định Giang [22]; *Nguyễn Đình Chiểu tuyển chọn và trích dẫn những bài phê bình, bình luận của các nhà văn, nhà nghiên cứu Việt Nam và thế giới* (Nxb Tổng hợp Khánh Hòa, 1991) của tác giả Vũ Tiên Quỳnh [62]; *Nguyễn Đình Chiểu ngôi sao sáng trong văn nghệ của dân tộc* (Nxb Trẻ, 2001) của Đoàn Lê Giang [20]. Qua các tác phẩm trên, các tác giả đều khẳng định, thơ văn Nguyễn Đình Chiểu là đỉnh cao, và là ngọn cờ của văn học yêu nước Việt Nam cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX.

**Các công trình nghiên cứu tư tưởng của Nguyễn Đình Chiểu**, có thể kể đến các bài viết như: cuốn Nguyễn Đình Chiểu với *Ngư Tiều y thuật vấn đáp* của tác giả Lê Trần Đức (Nxb Y học phát hành năm 1983) [18], tác giả đã khẳng định đây không chỉ là một tác phẩm nêu cao lòng yêu nước, căm thù giặc mà còn là một tác phẩm chuyên môn nhằm phổ biến y học, với tinh thần nhân nghĩa hết mình vì lòng đạo cứu người; Tác phẩm *Đạo làm người từ Lý Thường Kiệt đến*

*Hồ Chí Minh* (Nxb Quân đội nhân dân, 2006), tác giả Trần Văn Giàu đã khẳng định: “Bất kỳ tác phẩm nào của Nguyễn Đình Chiểu cũng đều nói tới đạo làm người và trong bất kỳ giai đoạn nào của cuộc đời cụ, người ta cũng đều rút ra được những bài học lớn về đạo làm người,... trước nay, chưa có một bậc phụ huynh nào phản đối hay ngăn ngại việc cho thanh niên, cho con em đọc tác phẩm của Nguyễn Đình Chiểu ...” [24, tr. 252].

Công trình *Nguyễn Đình Chiểu Thơ và đời* [56] là một sưu tập chọn lọc những bài nghiên cứu, đánh giá tiêu biểu do các tác giả trong nước viết về tác phẩm và cuộc đời của Nguyễn Đình Chiểu. Trong đó, đáng quan tâm là bài “*Đọc lại thơ văn Nguyễn Đình Chiểu*” - nhà thơ Xuân Diệu có viết: “Giữ vững tinh thần bất khuất! *Ngư Tiều y thuật vấn đáp* là một quyển sách thuốc, cũng là một quyển sách chính trị; ở đây cụ Đồ Chiểu ngang nhiên tự tin, tin ở sức mạnh của chính nghĩa” [56, tr. 128]. “..., nhưng đọc *Ngư Tiều y thuật vấn đáp* cũng thấy sự tìm học, sự uyên bác của cụ Đồ Chiểu”; “Đây là sách dạy truyền về thuốc, nên phải kể, dạy cặn kẽ; không biết cụ Đồ Chiểu học từ bao giờ, chẳng lẽ mù rồi, vẫn nhờ người đọc cho mình nghe những sách chuyên môn?” [56, tr. 130]. Từ những nhận định, Xuân Diệu đi đến thán phục nghị lực của Nguyễn Đình Chiểu: “Cụ Đồ Chiểu chắc phải tâm đắc lắm về thuốc, phải quan niệm một cách thật sâu sắc rằng “Y” cũng là “Đạo”, và phải tổ chức sự học hỏi một cách chu đáo, kiên trì lắm, lại phải tin tưởng ở sức hiểu thuốc, sự biết thuốc của mình, thì mới dám viết *Ngư Tiều y thuật*. Mà đã tạo ra sách ấy, thì tạo trước lúc 27 tuổi, mù, hay chẳng? Khó làm được sớm như thế. Thì là sau khi mù. Vậy thì thật kỳ lạ!... Một sự học hỏi ôm trùm về chuyên môn như thế, đối với một người mù thì thật là đáng cho ta sửng sốt” [56, tr. 131]

Công trình *Nguyễn Đình Chiểu tác phẩm và dư luận* [82] đã tập hợp những bài viết của một số tác giả tiêu biểu: Nguyễn Đăng Mạnh, Hà Minh Đức, Phạm Xuân Chi, Lê Trần Đức,... kể cả những cây bút mới nghiên cứu lần đầu.

Nhưng nhìn chung họ đều có đóng góp ý kiến và quan điểm của mình về hầu hết các sáng tác của Đồ Chiểu. Đáng quan tâm hơn cả là bài “*Hiện tượng văn y kết hợp và giá trị văn học của tác phẩm Ngự Tiều y thuật vấn đáp*” - tác giả Phạm Xuân Chi [68, tr. 382]. Bài viết này đã phản ánh những đặc điểm nổi bật trong nghệ thuật của truyện thơ *Ngự Tiều y thuật vấn đáp* như hiện tượng văn y kết hợp, sự xen kẽ nhiều thể thơ, ngôn ngữ, nhân vật,... nhưng vì dung lượng nhỏ nên mỗi vấn đề chỉ điểm qua khá sơ lược: “Chúng ta thấy sự kết hợp giữa văn và y diễn ra trong toàn bộ kết cấu cốt truyện và ngay trong từng phần một cách có dụng ý... Tất cả những kiến thức về y học đều được trình bày dưới một hình thức văn học. Và chủ đề văn học của tác phẩm thì lại ẩn kín dưới một câu chuyện có hình thức của y học” [68, tr. 383].

Nhà thơ Vũ Đình Liên trong bài viết “Từ nhân sinh quan đến thẩm mỹ quan của Nguyễn Đình Chiểu” đã viết: “Ba tác phẩm dài của Nguyễn Đình Chiểu: *Lục Vân Tiên*, *Dương Từ - Hà Mậu* và *Ngự Tiều y thuật vấn đáp* có thể xếp vào loại các tiểu thuyết luận đề nhằm chứng minh, khẳng định, một tư tưởng, một lý tưởng chủ đạo: trung hiếu, tiết nghĩa, yêu nước, thương dân. Có thể nói, đạo đức là thức ăn tinh thần, là môi trường sống, là không khí của Nguyễn Đình Chiểu hít thở. Đạo đức nhân nghĩa là máu huyết, là thịt da con người Nguyễn Đình Chiểu. Cái nhu cầu đạo đức nhân nghĩa ấy lại càng mạnh hơn đối với Nguyễn Đình Chiểu cái lý tưởng của Nguyễn Đình Chiểu càng mãnh liệt, càng sâu sắc hơn, khi cái thực tế xã hội mà Nguyễn Đình Chiểu trông thấy càng thối nát, càng nhơ bẩn” [37].

Tác giả Vũ Đức Phúc khi nghiên cứu về “*Ngự Tiều y thuật vấn đáp*” đã kết luận: “... nhấn mạnh vào đạo đức của người thầy thuốc, tư tưởng nhân đạo của ông được thể hiện kỹ lưỡng và đó là tư tưởng quý giá, cho nên ngay các bác sĩ bây giờ cũng có thể tiếp thu những tư tưởng ấy của Nguyễn Đình Chiểu, Ngự

Tiêu... là một cuốn sách khó đọc, nhưng có rất nhiều trang độc đáo và lý thú” [11].

Tác giả Trần Văn Giàu với bài viết: “Nguyễn Đình Chiểu đạo làm người”, ông đã nhận xét rằng: “Nguyễn Đình Chiểu không triết luận dông dài về mệnh, nhưng cuộc đời của cụ nói lên rằng cụ đã có ý thức phấn đấu kiên trì chống vận mệnh đen tối nhất để được làm người có ích cho đời, cái ý nghĩ xem chừng như bình thường đó, thật ra không phải ai cũng dễ có, không phải ai cũng biết đặt ra câu hỏi để kiểm tra cho bản thân ta đã làm được gì có ích cho đời?” [24, tr. 63].

Nhìn chung các công trình đã ít nhiều làm rõ được những nội dung cơ bản về cuộc đời, sự nghiệp văn chương và tư tưởng của Nguyễn Đình Chiểu. Tuy nhiên, đến nay chưa có công trình nào nghiên cứu chuyên sâu về triết lý nhân sinh của ông trong tác phẩm truyện thơ “*Ngư Tiều y thuật vấn đáp*” cùng ý nghĩa hiện thời của nó. Căn cứ từ những tài liệu của các tác giả đi trước sẽ là những nguồn kinh nghiệm quý giá để người viết thực hiện luận văn này.

### **3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu**

#### ***3.1. Mục đích***

Làm rõ một số nội dung triết lý nhân sinh của Nguyễn Đình Chiểu trong tác phẩm truyện thơ “*Ngư Tiều y thuật vấn đáp*”. Qua đó vạch ra ý nghĩa hiện thời của triết lý nhân sinh ấy.

#### ***3.2. Nhiệm vụ***

*Một là*, phân tích, làm rõ những điều kiện, tiền đề cho sự hình thành triết lý nhân sinh của Nguyễn Đình Chiểu trong bối cảnh lịch sử Việt Nam nửa sau thế kỷ XIX.

*Hai là*, phân tích, hệ thống hóa một số nội dung trong triết lý nhân sinh của Nguyễn Đình Chiểu trong tác phẩm truyện thơ “*Ngư Tiều y thuật vấn đáp*”.

*Ba là*, rút ra ý nghĩa hiện thời của triết lý nhân sinh Nguyễn Đình Chiểu trong tác phẩm truyện thơ “*Ngư Tiều y thuật vấn đáp*”.

### **4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

#### **4.1. Đối tượng nghiên cứu**

Triết lý nhân sinh của Nguyễn Đình Chiểu trong tác phẩm truyện thơ “*Ngư Tiều y thuật vấn đáp*”.

#### **4.2. Phạm vi nghiên cứu**

Luận văn tập trung nghiên cứu hai nội dung cơ bản trong triết lý nhân sinh của Nguyễn Đình Chiểu thể hiện trong tác phẩm “*Ngư Tiều y thuật vấn đáp*”, bao gồm: đạo sống của con người trước biến cố lịch sử và quan niệm về y đạo.

### **5. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu**

#### **5.1. Cơ sở lý luận**

Luận văn được thực hiện trên cơ sở lý luận của Chủ nghĩa Mác - Lênin; tư tưởng Hồ Chí Minh; lịch sử tư tưởng Việt Nam; tham khảo có chọn lọc các công trình của các nhà nghiên cứu có liên quan đến đề tài.

#### **5.2. Phương pháp nghiên cứu**

Luận văn sử dụng kết hợp các phương pháp nghiên cứu của chủ nghĩa Mác - Lênin như:

- Phương pháp phân tích - tổng hợp.
- Phương pháp lôgic - lịch sử.
- Phương pháp nghiên cứu liên ngành, ...

### **6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận văn**

#### **6.1. Ý nghĩa lý luận**

Luận văn góp phần làm sáng tỏ nội dung triết lý nhân sinh của Nguyễn Đình Chiểu trong tác phẩm truyện thơ “*Ngư Tiều y thuật vấn đáp*” qua đó khẳng định vị trí, vai trò của Nguyễn Đình Chiểu trong lịch sử tư tưởng Việt Nam.

#### **6.2. Ý nghĩa thực tiễn**

Luận văn có thể được dùng làm tài liệu tham khảo cho các đề tài liên quan đến triết lý nhân sinh trong lịch sử tư tưởng Việt Nam. Đặc biệt dùng làm tài liệu tham khảo trong dạy - học về y đức người Thầy thuốc tại trường Cao đẳng Y tế Bắc Ninh.

## **7. Cơ cấu của luận văn**

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo, luận văn gồm có 2 chương, 6 tiết.

Chương 1: Bối cảnh lịch sử - xã hội và những tiền đề tư tưởng cho sự hình thành triết lý nhân sinh của Nguyễn Đình Chiểu.

Chương 2: Một số nội dung cơ bản và ý nghĩa hiện thời của triết lý nhân sinh Nguyễn Đình Chiểu thể hiện qua tác phẩm “*Ngư Tiều y thuật vấn đáp*”.

## Chương 1

### BỐI CẢNH LỊCH SỬ - XÃ HỘI VÀ NHỮNG TIỀN ĐỀ TƯ TƯỞNG LÝ LUẬN CHO SỰ HÌNH THÀNH TRIẾT LÝ NHÂN SINH CỦA NGUYỄN ĐÌNH CHIÊU TRONG “*NGƯ TIÊU Y THUẬT VẤN ĐÁP*”

#### 1.1. Bối cảnh lịch sử - xã hội nửa cuối thế kỷ XIX

##### 1.1.1. Tình hình thế giới nửa cuối thế kỷ XIX

Trước khi đi vào nghiên cứu triết lý nhân sinh của Nguyễn Đình Chiểu trong tác phẩm truyện thơ “*Ngư Tiêu y thuật vấn đáp*”, chúng ta cần tìm hiểu những nét đặc thù trong điều kiện kinh tế - xã hội ở thời kỳ lịch sử mà Nguyễn Đình Chiểu sống.

Từ thế kỷ XVII đến thế kỷ XIX, ở các nước Châu Âu, giai cấp tư sản lần lượt nắm chính quyền. Những năm 60 -70 của thế kỷ XVIII, cuộc cách mạng công nghiệp ở Anh bắt đầu. Chiến tranh giành độc lập ở Bắc Mỹ thành công, chế độ thống trị của giai cấp tư sản thiết lập ở Hợp chúng quốc Hoa Kỳ. Hàng hóa, tư bản của các nước tư bản Âu Mỹ ùn ùn đổ ra nước ngoài và cũng tới tấp mang về vàng bạc, sản vật địa phương và nguyên liệu. Chủ nghĩa tư bản Phương Tây đua nhau tràn sang Phương Đông kiếm tìm thị trường và khai thác nguyên liệu cho công nghiệp chính quốc. Vận mệnh của tất cả các dân tộc ở Châu Á bị chủ nghĩa thực dân Phương Tây đe dọa. Lúc đó, trật tự phong kiến ở các nước châu Á đang lung lay trước mâu thuẫn không thể điều hòa được của giai cấp phong kiến cầm quyền và nông dân trong nước. Ở Trung Quốc, trước nguy cơ mất nước bởi chủ nghĩa tư bản Phương Tây, nhà Thanh vẫn khư khư coi Trung Quốc là trung tâm của nền văn minh thế giới. Đối nội, triều đình củng cố chế độ chuyên chế, đối ngoại thì thực hiện chính sách bế quan tỏa cảng. Từ sau cuộc “chiến tranh thuốc phiện”, nhà Thanh đã buộc phải nhượng bộ tư bản Âu Mỹ, ký kết hiệp ước bất bình đẳng này đến hiệp ước bất bình đẳng khác. Hơn nữa, còn

liên kết với tư bản thực dân đàn áp phong trào quần chúng. Người dân Trung Hoa phải cam chịu thân phận người dân của một nước nửa thuộc địa.

Ở Nhật Bản, từ khi trục xuất những giáo sĩ Phương Tây (1639), nước Nhật cũng hầu như tách biệt với thế giới bên ngoài suốt gần hai thế kỷ. Đến giữa thế kỷ XIX, các nước Âu Mỹ cũng buộc Nhật Bản phải ký những hiệp ước bất bình đẳng. Nhưng từ những năm 60, chính phủ Minh Trị đã đề ra những cải cách kinh tế và xã hội quan trọng. Cải cách duy tân của Nhật được thực hiện trong hoàn cảnh Mỹ có nội chiến, Nga phải đối phó với khởi nghĩa ở Ba Lan, Anh và Pháp bị thu hút vào cuộc đàn áp Thái Bình Thiên Quốc ở Trung Quốc; Pháp sa lầy vào cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam. Do đó nước Nhật thoát khỏi sự cai trị của Âu Mỹ, hơn nữa còn trở thành một đồng minh Phương Đông của các nước tư bản chủ nghĩa Phương Tây.

Như vậy, rõ ràng không phải tất cả các quốc gia phương Đông vào thế kỷ XIX đều chịu số phận mất nước trước sự xâm lược của chủ nghĩa tư bản từ Phương Tây. Song sự biến đổi khá sâu sắc và phức tạp của tình hình kinh tế thế giới vào nửa cuối thế kỷ XIX đã tác động mạnh mẽ đến sự biến đổi về kinh tế, chính trị, xã hội Việt Nam.

### ***1.1.2. Tình hình Việt Nam nửa cuối thế kỷ XIX***

Vào thế kỷ XIX, Việt Nam vẫn ở trong tình trạng trì trệ, nghèo nàn, kém phát triển. Chế độ phong kiến Việt Nam đã lâm vào tình trạng khủng hoảng nặng nề trên tất cả các mặt của đời sống chính trị, kinh tế, xã hội.

Về kinh tế, có thể thấy, nhà Nguyễn chính là triều đại cuối của chế độ phong kiến chuyên chế không còn khả năng mở mang kinh tế và phát huy được tiềm lực nhân dân trong xây dựng đất nước. Chế độ sở hữu ruộng đất tư nhân nhất là của giai cấp địa chủ phong kiến ngày càng lấn vào ruộng đất công của thôn xã và của nhà nước. Công việc khai hoang tuy có kết quả, nhưng thành quả khai hoang trước hết lọt vào tay giai cấp địa chủ phong kiến. Ở Lục tỉnh, nhà



giàu mộ dân khai hoang và bao chiếm cả ruộng đất đồn điền. *Lịch triều hiến chương loại chí* của Phan Huy Chú cho biết: Số nhà giàu, có vùng có 40, 50 nhà, vùng có 20, 30 nhà, mỗi nhà có 50, 60 điền tốt, trâu bò có đến 200 con [10, tr. 140]. Năm 1840, các tỉnh thần Gia Định báo cáo cho Minh Mệnh: “Trong hạt không có ruộng công, các nhà giàu đã bao chiếm ruộng tư đến ngàn trăm mẫu, dân nghèo không được nhờ cấy” [62, tr. 93-94].

Có thể thấy, dưới triều Nguyễn ruộng công không còn được phân nữa. Chính quyền trung ương không có ruộng công để phong cấp cho hệ thống quan lại như các triều đại thời xưa nữa mà phải thu tô thuế để phát lương cho họ và chi dùng vào các khoản khác của nhà nước, nhất là chi phí về quân sự. Quan lại, hào lý thi nhau lạm bổ, bóp nặn dân nghèo, vợ vét cho đầy túi tham. Do vậy, chính sách nông nghiệp của triều Nguyễn chỉ mưu lợi cho giai cấp địa chủ phong kiến thống trị và buộc người nông dân càng ngày càng phải đóng nhiều tô thuế, tạp dịch.

Tình trạng bế tắc của công, thương nghiệp cũng tương tự như nông nghiệp. Nhà nước độc quyền ngoại thương và thi hành chính sách bế quan tỏa cảng, khước từ quan hệ buôn bán với các nước tư bản Phương Tây. Triều đình nắm những công xưởng lớn như đúc súng, đúc tiền, đóng tàu, xây dinh thự. Nguyên liệu bị nhà nước thu tóm. Chế độ công tượng vẫn được thi hành: các thợ giỏi bị nhà nước trưng tập, các thợ thủ công ở địa phương bị nhà nước kiểm soát rất chặt chẽ.

Trong khi đất nước đang lâm vào khủng hoảng thì thực dân phương Tây lại đang nhắm nhe xâm lược nước ta. Chiều ngày 31/8/1858, liên quân Pháp - Tây Ban Nha dàn trận ở cửa biển Đà Nẵng. Lực lượng Pháp gồm 2.500 quân, 13 chiến thuyền, trang bị vũ khí hiện đại, trong đó có tàu chở 50 đại bác. Tây Ban Nha góp thêm vào đội quân xâm lược 450 tên và 01 chiến thuyền. Sáng

01/9/1858, Pháp gửi tới hậu thư hạn trong hai giờ phải trả lời. Chưa hết giờ hẹn, giặc bắn hàng trăm phát đại bác lên đất liền, rồi đổ bộ chiếm bán đảo Sơn Trà.

Với lòng yêu nước nồng nàn, nhân dân miền Nam luôn tìm cách đánh giặc thích hợp, tiêu biểu nhất là cách đánh phá pháo thuyền - một phương tiện chiến tranh lợi hại thời bấy giờ. Tình hình đó đã làm địch rất hoang mang, lo sợ. Nhưng chính lúc này, triều đình Huế lại ký hiệp ước ngày 5/6/1862 “Hiệp ước hòa bình và hữu nghị”, cắt 3 tỉnh miền Đông Lục tỉnh (Gia Định, Định Tường, Biên Hòa) và đảo Côn Lôn cho Pháp, bồi thường chiến phí cho Pháp 4.000.000 đô la, cùng với những nhượng bộ nặng nề khác, mục đích của triều đình Huế là sớm triển khai kế hoạch đối phó với phong trào nông dân miền Bắc đang trên đà phát triển. Đây bị coi như một hiệp ước bán nước cho Pháp. Sau hiệp ước năm 1862, chiếm được 3 tỉnh miền Đông và đảo Côn Lôn, thực dân Pháp thực hiện tiếp âm mưu chiếm 3 tỉnh miền Tây. Chỉ trong vòng 5 ngày (từ 20-24/6/1867), quan quân triều đình Huế để mất cả ba tỉnh Vĩnh Long, An Giang, Hà Tiên, thực dân Pháp đã không gặp phải một sự kháng cự đáng kể nào.

Trước thái độ nhu nhược của triều đình nhà Nguyễn, năm 1873, thực dân Pháp đã chuyển hướng tấn công ra Hà Nội, chúng liên tiếp gây ra những vụ khiêu khích thậm chí cướp phá ở Hà Nội; bắt thuyền bè của nhân dân, đánh đồn canh của quân đội triều đình ở ven sông Hồng. Đối sách của triều đình Huế chỉ là hòa nghị. Nhân dân Hà Nội đã đứng lên tự huy động vũ trang, bao vây tiến đánh địch, đốt kho thuốc súng của giặc và giành được nhiều thắng lợi to lớn. Nhưng triều đình Huế hèn nhát, bỏ lỡ thời cơ, đã không dám hiệu triệu quan quân thừa thắng tiến lên, mà ra lệnh cho lui binh, rút quân. Hăm mình trong thế bị động, thương thuyết, triều đình Huế lại ký một hiệp ước ngày 15/3/1874 tại Sài Gòn “Hiệp ước Hòa bình và Liên minh” với những điều khoản nặng nề có hại cho nước ta. Với hòa ước này, phong kiến triều Nguyễn chính thức dâng toàn bộ đất đai Nam Kỳ cho thực dân Pháp, công nhận quyền đi lại, buôn bán, kiểm

soát, và điều tra tình hình của chúng ở Việt Nam. Hiệp ước 1874 đã làm cho nhân dân cả nước vô cùng phẫn nộ, đánh dấu sự đầu hàng của triều Nguyễn. Nhân dân vạch mặt chỉ tên kẻ phá hoại công cuộc đấu tranh bảo vệ độc lập, đó chính là triều Nguyễn. Tháng 7 năm 1883, bọn chỉ huy Pháp tại Hải Phòng bàn kế hoạch thâm tóm toàn bộ Việt Nam. Vào thời điểm đó, vua Tự Đức mất, triều đình Huế rơi vào tình trạng chia rẽ, lục đục trong vấn đề suy tôn người kế nghiệp, do vua Tự Đức không có con. Chớp thời cơ thuận lợi, ngày 20/8/1883, hạm đội Pháp, do đô đốc Cuôcbê chỉ huy, đã tiến vào chiếm đánh cửa Thuận An. Ngày 25/08/1883, triều đình Huế phải ký ngay “Hiệp ước Hòa bình” theo những điều kiện của chúng. Với bản hiệp ước mới, Việt Nam đã mất quyền tự chủ trên phạm vi toàn quốc, triều đình Huế đã chính thức thừa nhận sự bảo hộ của nước Pháp. Mọi công việc về chính trị, kinh tế, ngoại giao của Việt Nam đều do Pháp quản lý. Đây là sự phản bội nặng nề nhất của triều đình Huế đối với nhân dân, nên bị nhân dân cả nước chống đối quyết liệt. Trên đà thắng thế, chính phủ Pháp đã ép triều đình Huế ký kết điều ước ngày 6/6/1884 (Điều ước Patonôt). Điều ước Patonôt gồm 19 khoản đã xác lập quyền đô hộ lâu dài và chủ yếu của thực dân Pháp ở Việt Nam.

Dưới sự cai trị của thực dân Pháp, dân tộc Việt Nam bị tước đi quyền độc lập, tự do; nhân dân Việt Nam bị mất quyền làm chủ đất nước và bị mất đi các quyền cơ bản của con người. Sau khi thực dân Pháp căn bản hoàn thành công cuộc bình định Việt Nam về mặt quân sự, chúng đã thực hiện khai thác thuộc địa Việt Nam nói riêng, cũng như Đông Dương nói chung, với quy mô ngày càng lớn.

Bên cạnh việc tổ chức bộ máy khai thác thuộc địa, chính quyền thực dân Pháp còn dùng thủ đoạn độc quyền về kinh tế như: độc quyền kinh doanh một số ngành công nghiệp khai thác than, quặng, thương mại, nắm phương tiện giao thông vận tải, khai thác những mỏ khoáng sản có trữ lượng lớn, chiếm đất lập đồn

điền kinh doanh cây công nghiệp, độc quyền xuất nhập khẩu,... Ngoài ra, thực dân Pháp còn thiết lập hệ thống ngân hàng, độc quyền phát hành giấy bạc và cho vay nặng lãi. Ngân hàng Đông Dương là một tập đoàn tư bản tài chính có thể lực nhất làm chúa tể, và chi phối mọi ngành kinh tế ở Đông Dương. Chính quyền thực dân không từ bỏ bất kỳ chính sách bóc lột nào kể cả những hình thức bóc lột kinh tế thời Trung cổ. Chẳng hạn như thực dân Pháp áp đặt nhiều loại thuế: thuế thân, thuế chợ, thuế đò, thuế vĩa hè, thuế môn bài, thuế xe, thuế lưu trú, thuế rượu, thuế muối, thuế thuốc phiện ... chúng độc quyền sản xuất rượu, độc quyền mua bán thuốc phiện; chúng dùng rượu cồn, thuốc phiện để đầu độc nhân dân, làm suy yếu giống nòi Việt Nam.

Cùng với sự bóc lột nặng nề về mặt kinh tế, thực dân Pháp đã thực hiện chính sách cai trị trên lĩnh vực chính trị, văn hoá vô cùng khắc nghiệt. Chúng ban hành sắc lệnh 17/10/1887, theo đó, thực dân Pháp thành lập liên bang Đông Dương, lúc đó mới bao gồm có Bắc kỳ, Trung kỳ, Nam kỳ và Campuchia, trực thuộc bộ Hải quân và thuộc địa Pháp, đứng đầu là toàn quyền. Ngày 20/03/1894, Pháp thành lập Bộ thuộc địa và Đông Dương trực thuộc Bộ này. Ngày 19/04/1899, Tổng thống Pháp ra sắc lệnh sáp nhập Lào vào Liên bang Đông Dương. Để đảm bảo thu được lợi nhuận thuộc địa tối đa, thực dân Pháp thực hiện chính sách chuyên chế về chính trị. Thực dân Pháp thực hiện chính sách chia để trị nhằm làm suy yếu lực lượng dân tộc Việt Nam. Chúng chia nước ta ra làm ba kỳ: Bắc kỳ, Trung kỳ và Nam kỳ với ba chế độ cai trị khác nhau. Nam Kỳ là đất thuộc địa do Pháp trực tiếp đặt ách cai trị. Trung Kỳ là xứ bảo hộ, vẫn giữ nguyên chính quyền nhà Nguyễn (thực chất là chính quyền tay sai cho thực dân Pháp). Bắc Kỳ thực hiện chính sách nửa bảo hộ (thực chất là Pháp thực hiện chính sách kìm kẹp). Bên cạnh đó, thực dân Pháp ra sức ngăn chặn mọi ảnh hưởng của nền văn hoá dân chủ tiến bộ Pháp vào Việt Nam, đem văn hoá phản động trụ lạc nhồi vào tư tưởng của nhân dân ta.

*Tóm lại*, giai đoạn cuối thế kỷ XIX, xã hội Việt Nam có nhiều biến động sâu sắc về mọi mặt. Chủ nghĩa tư bản đã bước sang một giai đoạn phát triển mới, giai đoạn chủ nghĩa thực dân, xâm chiếm thuộc địa khắp nơi trên thế giới nhằm làm giàu cho chính quốc. Thực dân Pháp xâm chiếm Việt Nam vào giữa thế kỷ XIX là kết quả của quá trình phát triển ấy. Với sự khai thác tối đa lợi ích từ thuộc địa của thực dân Pháp, nhân dân Việt Nam đã mất đi quyền làm chủ vận mệnh dân tộc, bị tước hết quyền làm người. Tư tưởng của những người yêu nước nói chung, tư tưởng của Nguyễn Đình Chiểu nói riêng, đã phản ánh sâu sắc bối cảnh kinh tế, xã hội trên.

## **1.2. Những tiền đề tư tưởng lý luận cho sự hình thành triết lý nhân sinh của Nguyễn Đình Chiểu trong “*Ngư Tiều y thuật vấn đáp*”**

Bối cảnh lịch sử - xã hội nửa sau thế kỷ XIX đầy biến động đã tác động lớn tới sự hình thành triết lý nhân sinh của Nguyễn Đình Chiểu. Bên cạnh đó, yếu tố không thể không đề cập tới đó chính là những yếu tố về mặt tư tưởng lý luận tạo nên tảng trong việc hình thành triết lý nhân sinh của ông.

### **1.2.1. Vai trò của truyền thống văn hóa dân tộc với sự hình thành triết lý nhân sinh của Nguyễn Đình Chiểu trong “*Ngư Tiều y thuật vấn đáp*”**

Cũng như nhiều nhà văn hóa, nhà tư tưởng khác, triết lý nhân sinh của Nguyễn Đình Chiểu trong “*Ngư Tiều y thuật vấn đáp*” là sự kế thừa truyền thống văn hóa tốt đẹp của dân tộc. Điều đó được thể hiện ở niềm tự hào về dân tộc, tinh thần bất khuất, ý chí độc lập, tự chủ, tự cường; tinh thần yêu nước, thương dân và truyền thống đạo lý làm người trong truyền thống văn hiến lâu đời của dân tộc Việt Nam.

Là quốc gia nằm ở phía Đông, thuộc bán đảo Đông Dương, khu vực Đông Nam Á, châu Á, Việt Nam trở thành đầu mối giao thông quốc tế quan trọng, có nguồn tài nguyên thiên nhiên phong phú, Việt Nam luôn là mục tiêu xâm lược của nhiều quốc gia. Việc hình thành một nền văn hóa và hình thức nhà nước

phôi thai sớm cùng với việc dân tộc ta liên tiếp phải chống lại các cuộc xâm lăng của các thế lực phong kiến phương Bắc, đã giúp cho dân tộc ta hình thành ý thức về quốc gia dân tộc, về tinh thần độc lập, tự chủ, tự cường dân tộc và tinh thần yêu nước rất sớm. Tư tưởng về chủ quyền dân tộc, lòng tự hào dân tộc, ý thức về cộng đồng người Việt và chủ quyền đất nước được hình thành, phát triển từ trước thời kỳ Bắc thuộc. Trong bài “Nam quốc sơn hà”, nhận thức của nhân dân về độc lập, chủ quyền và lãnh thổ của nhân dân được công bố một cách rõ ràng:

“Nam quốc sơn hà Nam đế cư  
Tuyệt nhiên định phận tại thiên thư  
Như hà nghịch lỗ lai xâm phạm,  
Nhữ đẳng hành khan thủ bại hư!”

[80, tr. 321].

Lời tuyên bố này là một sự khẳng định ý chí của nhân dân ta quyết tâm bảo vệ độc lập chủ quyền của đất nước, là niềm tin của nhân dân trong sự nghiệp giữ nước. Ý chí, quyết tâm đánh đuổi quân thù được truyền đến cho tất cả mọi người trong bài Hịch tướng sĩ của Trần Quốc Tuấn: “Ta thường tới bữa quên ăn, nửa đêm vỗ gối; ruột đau như cắt, nước mắt đầm đìa; chỉ căm tức chưa xả thịt lột da ăn gan uống máu quân thù” [80, tr. 391]. Sang thế kỷ XV, Nguyễn Trãi đã khẳng định dân tộc Việt Nam hội đủ các yếu tố về: văn hiến, lãnh thổ, phong tục tập quán, lịch sử, anh hùng hào kiệt, sánh ngang hàng với các dân tộc phương Bắc:

“Xét như nước Đại Việt ta,  
Thật là một nước văn hiến.”

[78, tr. 77]

Từ nhận thức về dân tộc, Nguyễn Trãi khẳng định trong *Đại cáo bình Ngô* về tư tưởng độc lập dân tộc. Dân tộc Việt Nam sẵn sàng không quản ngại hy sinh để bảo vệ nền độc lập tự do của mình. Đây là truyền thống đấu tranh bất

khuất của dân tộc và được phản ánh đậm nét qua các nhà tư tưởng trong lịch sử tư tưởng Việt Nam.

Kế thừa và phát huy truyền thống đấu tranh bất khuất của dân tộc, trong các tác phẩm của mình, Nguyễn Đình Chiểu đặc biệt nhấn mạnh đến tinh thần kiên trung, bất khuất, ý chí bảo vệ độc lập cho dân tộc, quyết giữ tròn lòng đạo của cá nhân:

“Thà cho trước mắt tối mù,  
Chẳng thà ngồi ngó kẻ thù quân thân.  
Thà cho trước mắt vô nhân,  
Chẳng thà ngồi ngó sinh dân nghiêng nghèo”

[72, tr. 800]

Triết lý nhân sinh Nguyễn Đình Chiểu không chỉ thể hiện niềm tự hào về truyền thống dân tộc, về ý chí kiên cường, bất khuất, mà ông còn thể hiện tinh thần yêu nước, thương dân sâu sắc.

Trong truyền thống tư tưởng dân tộc, yêu nước gắn liền với thương dân. Theo Nguyễn Trãi, “việc nhân nghĩa cốt ở yên dân”, việc cứu nước trước hết là để cứu dân, để đem lại thái bình cho muôn dân. Nguyễn Đình Chiểu đã tiếp thu tinh thần yêu nước ấy và thể hiện một cách sâu sắc trong tư tưởng của mình. Sinh ra và lớn lên trong giai đoạn thực dân Pháp xâm chiếm nước ta, Nguyễn Đình Chiểu đã không thể ngồi yên trước cảnh nước mất, nhà tan. Mặc dù bản thân bị mù, kẻ thù đã nhiều lần tìm đến ông nhưng ông đã không khuất phục kẻ thù, không thụ động trước hoàn cảnh, dùng cây bút làm vũ khí sắc bén để chiến đấu chống kẻ thù, đền nợ nước. Ông đã tán dương, ca tụng những lãnh tụ kháng chiến như Trương Định đã vì nhân dân mà hy sinh anh dũng. Ông biểu dương những nghĩa sĩ trận vong, nghĩa sĩ Cần Giuộc, nghĩa sĩ Lục tỉnh đã chiến đấu kiên cường, bất khuất, không sợ hy sinh, gian khổ, ông tố cáo thủ đoạn hung tàn của lũ quỷ trắng, vạch tội bọn Việt gian bán nước. Ở Nguyễn Đình Chiểu, tinh

thần yêu nước gắn liền với ý thức bảo vệ chính nghĩa, tình yêu thương nhân dân. sống giữa nhân dân lao động, ông thông cảm, chia sẻ với cảnh cơ cực của nhân dân:

“Thương dân sao chẳng lập thân,  
Để khi nắng hạ toan phân làm mưa”

[70, tr. 79]

Tình yêu thương nhân dân được Nguyễn Đình Chiểu thể hiện xuyên suốt qua các tác phẩm của mình, với những từ ngữ thường gặp như “để dân sa hầm”, “khiến dân lâm than”, “làm dân nhọc nhằn”, “lẳng nhằng dối dân”... Với ông, yêu nước và thương dân gắn liền với nhau đó là một đặc điểm nổi bật của con người Việt Nam, của truyền thống văn hóa dân tộc Việt Nam.

Bên cạnh đó, Nguyễn Đình Chiểu còn kế thừa đạo lý làm người trong truyền thống dân tộc Việt Nam. Lối sống tương thân tương ái, sống có đạo lý, nhân nghĩa, khi gặp hoạn nạn thì đồng cam cộng khổ, cả nước một lòng; tính thích nghi và hội nhập; lối ứng xử mềm mỏng và truyền thống hiếu học, trọng nghĩa, khoan dung cũng được thể hiện rõ nét qua các câu ca dao, tục ngữ như: “Bầu ơi thương lấy bí cùng/Tuy rằng khác giống nhưng chung một giàn”; “Nhiều điều phủ lấy giá gương/Người trong một nước thì thương nhau cùng”; “Lá lành đùm lá rách”; “Uống nước nhớ nguồn”,... Như vậy, do những đặc điểm về kinh tế, chính trị, xã hội trong lịch sử Việt Nam, nên các nhà tư tưởng ít quan tâm đến những vấn đề “bản chất con người”, “mối quan hệ giữa linh hồn và thể xác”,... mà quan tâm đến những quan niệm về chuẩn mực đạo đức và đạo làm người, giáo dục con người, cách đối nhân xử thế, vai trò, vị trí của con người đối với cộng đồng đất nước...

Tất cả những truyền thống quý báu đó đã ảnh hưởng sâu sắc đến tư tưởng Nguyễn Đình Chiểu. Nội dung về đạo làm người trong tư tưởng Nguyễn Đình Chiểu được thể hiện phong phú, tuy nhiên có thể khái quát lại với các tư tưởng



chủ yếu như: giữ gìn và phát huy đạo lý truyền thống dân tộc; đề cao tư tưởng trung - hiếu, tiết - nghĩa; thương yêu nhân dân, trung thành vô hạn với nhân dân; sống trong sạch và giữ vững khí tiết...

### ***1.2.2. Vai trò của quê hương, gia đình đối với sự hình thành triết lý nhân sinh của Nguyễn Đình Chiểu trong “Ngư Tiều y thuật vấn đáp”***

Triết lý nhân sinh của Nguyễn Đình Chiểu trong “*Ngư Tiều y thuật vấn đáp*”, không chỉ kế thừa và phát huy những giá trị tốt đẹp của truyền thống văn hóa dân tộc nói chung, mà còn chịu ảnh hưởng sâu sắc bởi truyền thống của quê hương và gia đình ông. Truyền thống của quê hương đã đem lại cho trái tim, khối óc Nguyễn Đình Chiểu những giá trị lớn lao, định hướng trong sự nghiệp, tư tưởng của ông.

Năm 1689, kinh lược sứ Nguyễn Hữu Cảnh được chúa Nguyễn ủy nhiệm vào Nam để lấy đất Nông Nại đặt thành phủ Gia Định, rồi lập xứ Sài Gòn, dựng dinh Phiên Trấn. Đến năm 1788, Nguyễn Ánh lập trấn Gia Định. Năm 1833 đổi thành tỉnh Gia Định. Nơi đây trở thành trung tâm văn hóa lớn của Lục Tỉnh, đồng thời cũng là trung tâm chính trị, kinh tế, vừa là thương cảng của đất Nam Kỳ, nơi giao dịch với tàu buôn các nước. Đã có rất nhiều tác giả viết về Gia Định - Sài Gòn. Từ Trịnh Hoài Đức (1765-1825) với Gia Định thành thông chí tới các tác giả bộ Địa chí văn hóa thành phố Hồ Chí Minh, 4 tập, (1987-1998), cuốn Sài Gòn năm xưa của Vương Hồng Sển (xuất bản trước năm 1975, tái bản năm 1994) và Người Sài Gòn thuở ấy... của nhà văn Sơn Nam (1998) đã tái hiện cảnh sinh động, sầm uất, tấp nập người đến kẻ về, quán ăn đông đúc, hàng quán bày bán đủ thứ với đủ loại giá cả... của Sài Gòn - Gia Định. Đáng chú ý trong miêu tả cảnh phồn thịnh của thành Gia Định, có bài phú Cổ Gia Định, với những lời rất đẹp:

“Phủ Gia Định! phủ Gia Định! Nhà đủ người no chồn chồn,  
Xứ Sài Gòn! xứ Sài Gòn! ở ăn vui thú nơi nơi...”

Đông đảo thay phường Mỹ Hội,  
Sum nghiêm bầy làng Tân Khai.”

[83, tr. 272]

Gia Định là vùng đất mới, với điều kiện thiên nhiên nhiều thuận lợi, thời tiết ôn hòa, đất đai phì nhiêu. Con người sống phóng khoáng, rộng rãi, hòa hiệp, tình cảm, hay thương người, có nghĩa khí, thẳng thắn, bộc trực, chuộng nghĩa, yêu cái chính, ghét cái tà,... Tuy nhiên, để chinh phục vùng đất mới, đòi hỏi con người phải dũng cảm, kiên trì, yêu thương, đùm bọc, đoàn kết. Sinh ra ở Gia Định, Nguyễn Đình Chiểu đã thừa hưởng mạnh mẽ những tính cách của con người Nam kỳ. Trong cuộc sống thực tế hàng ngày hay trong sự nghiệp văn chương của mình, Nguyễn Đình Chiểu đều thể hiện những yếu tố đặc trưng, riêng có của tính cách ấy qua hầu hết các nhân vật mà ông xây dựng.

Bên cạnh đó, gia đình cũng có vai trò ảnh hưởng lớn đến quá trình hình thành và phát triển tư tưởng của Nguyễn Đình Chiểu. Thân sinh của ông là cụ Nguyễn Đình Huy, quê ở huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế. Tuy bận công việc thư lại hàng ngày, ít gần gũi con nhưng ông vẫn chú ý giáo dục con trong gia đình. Vốn có kiến thức, học vấn nên ông thường chăm sóc việc học tập của con nhất là khi Nguyễn Đình Chiểu bắt đầu học vỡ lòng. Sau cuộc khởi nghĩa của Lê Văn Khôi (con nuôi của Lê Văn Duyệt), Nguyễn Đình Huy bị mất chức. Nguyễn Đình Chiểu được cha đưa về Huế học tập. Huế là nơi hội tụ những nét văn hóa đặc trưng của xã hội phong kiến với nét phong lưu, thanh nhã,... được thể hiện qua món ăn, cách mặc, lời nói, nếp nghĩ, câu hát, điệu nhạc,... Nguyễn Đình Chiểu theo học ở Huế tám năm, lớn lên trong gia đình trí thức; nên điều này đã ít nhiều ảnh hưởng đến tư tưởng, tình cảm và quan điểm sáng tác văn chương của ông. Nguyễn Đình Chiểu đã phát huy, kế thừa âm hưởng của dân ca, điệu hò ngân dài trên sông nước ở xứ Huế, và đưa những yếu tố đó vào trong các tác phẩm của mình. Nguyễn Đình Chiểu được cha cho theo học với

thầy Nghè Chiêu, mà thầy Nghè Chiêu lại là học trò của Võ Trường Toản. Nguyễn Đình Chiểu là học trò đời thứ hai của nhà giáo Võ Trường Toản ở Gia Định. Một người thầy nổi tiếng về phương pháp giáo dục tri ngôn, dưỡng khí, tập nghĩa, một nhà trí thức sớm nổi tiếng ở đất Đồng Nai - Gia Định; không màng danh lợi, suốt đời chăm lo đào tạo thế hệ môn sinh có chí, có tài, biết lấy “thảo ngay làm nghĩa cả”. Từ nơi đào tạo Hòa Hưng của Võ Trường Toản, các thế hệ nhà văn, nhà thơ tài năng xuất hiện vào giai đoạn trước và cùng thời với Nguyễn Đình Chiểu; những người luôn tràn đầy nghĩa khí và tinh thần yêu nước.

Cụ bà thân sinh của Nguyễn Đình Chiểu là cụ Trương Thị Thiệt. Bà là người có công đức cao dày nhất, là người đã gieo vào tâm trí Nguyễn Đình Chiểu những phẩm chất đạo đức đạo đức tốt đẹp, những ấn tượng sâu sắc về khí tiết và cốt cách con người Việt Nam. Thuở nhỏ, ông thường được mẹ kể cho nghe những câu chuyện cổ dân gian theo cách kể của người dân Nam Bộ và được theo mẹ đi xem hát ở vườn Ông Thượng (tức vườn Tao Đàn ngày nay). Khi kể những sự tích đời xưa, bà thường nhắc câu “vi phú bất nhân” để thể hiện tinh thần căm ghét những bọn nịnh thần, kẻ phi đạo, phi nghĩa,... cảm thương những người hiếu thảo, trung nghĩa, hiền lành,... Cũng như các bà mẹ Việt Nam khác, bà Trương Thị Thiệt uốn nắn lời con ngay từ khi bập bẹ, dạy từng câu, từng chữ tiếng mẹ đẻ. Từ đó, đã gieo ấn tượng truyền thống sâu đậm vào trí óc và tâm hồn trẻ thơ của Nguyễn Đình Chiểu, hình thành ở Nguyễn Đình Chiểu niềm đam mê văn chương, tình yêu thương con người, yêu thương nhân dân, yêu quê hương và đất nước.

### ***1.2.3. Sự kế thừa, tiếp thu có chọn lọc tư tưởng, triết lý nhân sinh của Nho - Phật - Đạo***

Trước hết, học thuyết Nho giáo đã có ảnh hưởng đặc biệt đến tư tưởng của Nguyễn Đình Chiểu. Bởi lẽ, Nguyễn Đình Chiểu không chỉ sinh ra trong một gia đình nhà Nho, mà còn được đào tạo dưới môi trường Nho học, sống trong triều

đại nhà Nguyễn sùng bái Nho giáo nên ông không thể tránh khỏi sự ràng buộc của hệ tư tưởng Nho giáo. Tuy nhiên, ở ông có sự sàng lọc những yếu tố tích cực, lên án, chống lại những yếu tố lỗi thời, lạc hậu của Nho giáo.

Chịu ảnh hưởng của hệ tư tưởng Nho giáo, trong nhiều tác phẩm của Nguyễn Đình Chiểu, chúng ta bắt gặp các khái niệm của Nho giáo như trung - hiếu - tiết - nghĩa hay các khái niệm nhân - nghĩa - lễ - trí - tín. Chẳng hạn như, trong tác phẩm *Lục Vân Tiên*, Nguyễn Đình Chiểu viết:

“Trước đèn xem truyện Tây Minh,  
Gãi cười hai chữ nhân tình éo le,”

[72, tr. 87]

“Làm người cho biết ngãi sâu  
Gặp người hoạn nạn cùng nhau cho tròn”

[72, tr. 197]

Tuy nhiên, trong tư tưởng của Nguyễn Đình Chiểu, các nội dung trong học thuyết Nho giáo đã mất dần những yếu tố tiêu cực. Nguyễn Đình Chiểu đã kế thừa có chọn lọc đồng thời có sự bổ sung những nội dung mới, mang tính nhân dân và dân tộc trong các khái niệm của Nho giáo. Thậm chí ông còn khẳng khái chống đối Nho giáo lạc hậu. Chẳng hạn, đối với nhà Nho thì trung quân là đạo làm người nhưng với Nguyễn Đình Chiểu thì trung với lợi ích của dân mới là tôn chỉ hành động của ông:

“Đạo đời hai chữ quân thân  
Quân thân chẳng có nào luân lý gì”.

[72, tr. 828]

Ông lên án, đả kích những nho sĩ lạc hậu, tiểu nhân, hợp tác với giặc, bán nước cầu vinh; bọn bịp bợm lợi dụng lòng dân để vơ vét... Ông đã phê phán Tự Đức nhưng rất tin tưởng Hàm Nghi - một ông vua trực tiếp chống Pháp và đau buồn vô hạn khi nghe tin vua Hàm Nghi bị Pháp bắt. Ông đã ủng hộ và ca ngợi

Trương Định chống lại triều đình, kháng chỉ, không giải tán quân đội mà tiếp tục cùng với nghĩa quân, nhân dân Nam bộ kháng chiến chống thực dân Pháp đến cùng.

*Hai là*, bên cạnh Nho giáo, Phật giáo cũng có những tác động lớn đến triết lý nhân sinh của Nguyễn Đình Chiểu. Nguyễn Đình Chiểu nghiên cứu nhiều về sách Phật và chiêm nghiệm về tư tưởng nhân - quả, chính luôn thắng tà, thiện luôn thắng ác trong tư tưởng Phật giáo. Những ảnh hưởng tích cực của Phật giáo hiện nay vẫn đang được người Việt Nam phát huy để phục vụ cuộc sống. Con người, trong quan niệm của Phật giáo, được thể hiện trong mối quan hệ nhân - quả và tinh thần từ bi, hỉ xả, bác ái. Quan điểm nhân duyên, vô thường, vô ngã của nhà Phật đã chi phối ý nghĩ và hành động của người Việt Nam.

Kế thừa, phát triển nội dung đặc sắc của tư tưởng Phật giáo, Nguyễn Đình Chiểu nhấn mạnh đến yếu tố nhân - quả, tính thiện, tinh thần bác ái trong cuộc sống. Ông mượn phần vỏ bọc bác ái, nhân - quả, sự mâu nhiệm của Phật giáo để diễn đạt đầy thuyết phục tinh thần “trương thân trương ái”, “ở hiền gặp lành”, “ác giả ác báo”,... của quần chúng nhân dân.

Chẳng hạn như, về câu chuyện chào đời của Vân Tiên, Nguyễn Đình Chiểu đã diễn đạt theo ngôn ngữ nhân - quả nhà Phật:

“Có người ở quận Đông Thành

Tu nơn tích đức sớm sanh con hiền”

[72, tr. 87]

Hay sự xuất hiện của Phật Quan âm, phù hộ, độ trì cho Kiều Nguyệt Nga khi nàng trầm mình tự vẫn:

“Quan âm thương đáng thảo ngay,

Bèn đem nàng lại bỏ rày vườn hoa”

[72, tr. 168]

Hoặc, Nguyễn Đình Chiểu viết sự báo mộng của Quan âm, khuyên Lão bà cứu người mắc nạn:

“Khi khuya nằm thấy Phật bà,  
Người đà mách bảo nên già tới đây”

[72, tr. 175]

*Ba là*, cùng với Nho giáo và Phật giáo, những quan niệm của Đạo giáo cũng có ảnh hưởng đến triết lý nhân sinh của Nguyễn Đình Chiểu. Một trong những đặc tính của phương pháp tu hành Đạo giáo là sống thanh tĩnh, nhàn lạc, gần gũi với thiên nhiên. Quan niệm này ảnh hưởng sâu sắc đến một bộ phận nho sĩ Việt Nam đương thời. Sinh không gặp thời, gặp chuyện bất bình trong chốn quan trường hay khi về già, các cụ thường lui về ẩn dật, tìm thú vui nơi thiên nhiên, bên chén rượu, khi cuộc cờ, hay làm thơ xướng họa - sống một cách điều độ với tinh thần thanh thản trong khung cảnh thiên nhiên. Chu Văn An, Nguyễn Bình Khiêm, Phan Huy ích, Nguyễn Công Trứ... đều là những ví dụ điển hình.

Qua các tác phẩm của Nguyễn Đình Chiểu, chúng ta nhận thấy, Đạo giáo có ảnh hưởng nhất định đến triết lý nhân sinh của ông. Chẳng hạn như, ông viết:

“Người hay lại gặp kiềng hay  
Khác nào tiên tử chơi rầy Bồng Lai”

[72, tr. 110]

Hay khi viết về nhân vật Lục Vân Tiên, Nguyễn Đình Chiểu miêu tả như là một vị tiên thánh, biết tu luyện pháp thuật, phép trời huyền bí:

“Nửa đêm nằm thấy ông tiên  
Đem cho linh dược mắt liền sáng ra”

[72, tr. 175]

Như vậy, Đạo giáo đã được Nguyễn Đình Chiểu hòa trộn vào quan niệm sống, vào thế giới tâm linh của nhân dân, thật tự nhiên, giản dị.

#### ***1.2.4. Kế thừa tư tưởng về y thuật của các danh y trong lịch sử Việt Nam***

Bên cạnh đó, Nguyễn Đình Chiểu cũng chịu ảnh hưởng sâu sắc của các tư tưởng về y thuật của các bậc danh y trong lịch sử Việt Nam, tiêu biểu là Tuệ Tĩnh và Hải Thượng Lãn Ông.

Đại danh y Tuệ Tĩnh (Nguyễn Bá Tĩnh, 1325 - 1399), có những quan điểm y học thực tế và nhân đạo. Ông khuyên người thầy thuốc *phải làm điều lành*, phải giúp bệnh nhân một cách rộng rãi, để đem lại cái phúc cho hậu thế. Những năm ở trong nước, Tuệ Tĩnh đã chăm chú nghề thuốc: trồng cây thuốc, sưu tầm kinh nghiệm chữa bệnh trong dân gian, huấn luyện y học cho các tầng đồ. Ông đã tổng hợp y dược dân tộc cổ truyền trong bộ sách giá trị là bộ *Nam dược thần hiệu* chia làm 10 khoa. Đặc biệt, ông có bộ *Hồng Nghĩa giác tư y thư* (2 quyển) biên soạn bằng quốc âm, trong đó có bản thảo 500 vị thuốc nam, viết bằng thơ Nôm Đường luật, và bài “Phú thuốc Nam” 630 vị cũng bằng chữ Nôm. Thơ văn Nôm đời Trần rất hiếm, nếu quả thực đó là tác phẩm của Tuệ Tĩnh thì chúng không chỉ giá trị trong y học mà còn là tác phẩm quan trọng trong lịch sử văn học bởi vì đây là các tác phẩm ở thời kỳ đầu của văn học chữ Nôm. Từ bao đời nay, giới y học Việt Nam và nhân dân đều công nhận Tuệ Tĩnh có công lao to lớn trong việc xây dựng một quan điểm y học độc lập, tự chủ, sát với thực tế Việt Nam. Ông cho rằng thuốc Nam trị bệnh người nước nam đã thể hiện quan điểm đầy biện chứng về mối quan hệ mật thiết giữa con người với môi trường sống xung quanh. Quan điểm ấy dẫn dắt ông lên ngôi vị cao nhất của nền y học cổ truyền Việt Nam: Ông Thánh thuốc Nam! Trong trước tác của mình, ông không rập khuôn theo các trước tác của các đời trước, Ông không đưa kim, mộc, thủy, hỏa, thổ lên đầu mà xếp các cây cỏ trước tiên! Ông cũng phê phán tư tưởng dị đoan của những người chỉ tin vào phù chú mà không tin thuốc. Ông đã nêu ra nhiều

phương pháp khác nhau để chữa bệnh như: châm, chích, chườm, bóp, xoa, ăn, uống, hơ, xông, v.v.

Tuệ Tĩnh đã không dừng lại ở vị trí một thầy thuốc chữa bệnh, ông còn tự mình truyền bá phương pháp vệ sinh, tổ chức cơ sở chữa bệnh trong nhà chùa và trong làng xóm. Có tài liệu cho biết, trong 30 năm hoạt động ở nông thôn, Tuệ Tĩnh đã xây dựng 24 ngôi chùa, biến các chùa này thành y xá chữa bệnh. Ông tập hợp nhiều y án: 182 chứng bệnh được chữa bằng 3.873 phương thuốc. Ông cũng luôn luôn nhắc nhở mọi người chú ý nguyên nhân gây bệnh, tìm biện pháp phòng bệnh tích cực. Tuệ Tĩnh nhấn mạnh tác dụng việc rèn luyện thân thể và sinh hoạt điều độ.

Hải Thượng Lãn Ông Lê Hữu Trác (1720 - 1791), ông có biệt hiệu là ông già lười ở nhưng lại rất chăm chỉ đối với sự nghiệp chữa bệnh, cứu người. Ông sinh ra trong một gia đình mấy đời khoa bảng (ông, cha, chú, bác, anh, em... ) đều học giỏi, đỗ đạt cao và làm quan to trong triều vua Lê - chúa Trịnh. Chính trong một trận ốm đã tạo bước ngoặt quan trọng đối với cuộc đời của Lê Hữu Trác và nghề thuốc Việt Nam. Sau nhiều năm tìm thầy chữa bệnh không kết quả, Lê Hữu Trác nhờ cáng đến nhà một thầy thuốc ở miền Rú Thành, thuộc xã Trung Cấn, huyện Thanh Chương (nay là xã Nam Trung, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An) tên là Trần Độc. Ông Độc thi đỗ cử nhân rồi ở nhà làm thuốc rất được nhân dân trong vùng tín nhiệm. Qua hơn một năm ở nhà thầy Trần, Lê Hữu Trác đã khỏi bệnh. Cũng phải nói thêm rằng trong thời gian chữa bệnh tại đây, những lúc rỗi rãi Lê Hữu Trác thường hay mượn bộ sách thuốc *Phùng thị cảm nang* của Trung Quốc để đọc, phần lớn ông đều hiểu thấu. Lương y Trần Độc thấy ông yêu thích y học lại ham mê đọc sách nên đã truyền hết những kiến thức về y học truyền cho ông. Nhận ra nghề thầy thuốc không chỉ chữa trị cho mình còn giúp đỡ mọi người nên ông quyết chí học nghề thuốc. *Vừa chữa bệnh, vừa dạy học, Hải Thượng Lãn Ông vừa*



*biên soạn sách.* Toàn bộ sách ông để lại là sản phẩm vô giá của nền y học cổ truyền Việt Nam gọi là *Hải Thượng Y tông tâm lĩnh* gồm 28 tập, 66 quyển, bao gồm lý, pháp, phương, dược và biện chứng luận trị về nội khoa, ngoại khoa, phụ khoa, sản khoa, nhi khoa, đậu sởi, nhãn khoa, thương khoa, cấp cứu và cả đạo đức y học, vệ sinh phòng bệnh v.v... Điểm đặc sắc đầu tiên nổi bật của bộ sách *Y tông tâm lĩnh* là Hải Thượng Lãn ông đã tiếp thu có chọn lọc những tinh hoa y học nước ngoài rồi vận dụng những kiến thức cơ bản ấy vào điều kiện cụ thể về khí hậu, về con người và cả về cách suy nghĩ của con người Việt Nam. Đây là bộ sách không chỉ có giá trị về mặt y học mà còn phản ánh sự nghiệp văn hóa và tư tưởng của cụ.

Nguyễn Đình Chiểu đã dày công nghiên cứu nhiều bộ sách, kế thừa những tư tưởng, kinh nghiệm quý báu từ các bậc danh y tiền bối trong lịch sử, vận dụng một cách linh hoạt trong quá trình chữa bệnh cứu người giữ gìn sinh mệnh cho nhân dân.

*Tóm lại,* những yếu tố như tinh thần yêu nước, tinh thần bất khuất, ý chí căm thù giặc ngoại xâm, lòng thương người, tinh thần khảng khái,... trong truyền thống văn hóa dân tộc, cùng với nghị lực phi thường hết mình vì lòng đạo “lòng đạo xin tròn một tấm gương” của Nguyễn Đình Chiểu đã hình thành triết lý nhân sinh của ông, mang tính nhân văn sâu sắc. Tuy vậy, triết lý nhân sinh của Nguyễn Đình Chiểu trong “*Ngư Tiều y thuật vấn đáp*” còn chịu ảnh hưởng bởi các tư tưởng khác trong các học thuyết Nho giáo, Đạo giáo và Phật giáo. Nguyễn Đình Chiểu đã tiếp nhận các quan niệm từ Nho giáo, Phật giáo và Đạo giáo cùng nhiều tư tưởng của các bậc danh y tiền bối không rập khuôn, máy móc, mà có sự biến đổi phù hợp với yêu cầu của lịch sử và truyền thống dân tộc Việt Nam. Qua đó, Nguyễn Đình Chiểu đã góp phần làm phong phú thêm cho đời sống tư tưởng, văn hóa dân tộc, và ông xứng đáng là một nhân cách lớn, một nhà tư tưởng, một nhà văn hóa lớn của dân tộc Việt Nam.

### **1.3. Cuộc đời, sự nghiệp và các tác phẩm tiêu biểu của Nguyễn Đình Chiểu**

#### ***1.3.1. Cuộc đời và sự nghiệp của Nguyễn Đình Chiểu***

Nguyễn Đình Chiểu, tục gọi là Đồ Chiểu, tự Mạnh Trạch, hiệu Trọng Phủ, sau khi bị mù lại có hiệu Hối Trai, sinh ngày 13 tháng 5 năm 1822 (1-7-1822) tại quê mẹ ở làng Tân Thới, tỉnh Gia Định, và mất ngày 24 tháng 5 năm 1888 (3-7-1888) ở làng An Đức, quận Ba Tri, tỉnh Bến Tre. Quê quán ông vốn ở xã Bồ Điền, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế. Ông sinh ra trong một gia đình nhà Nho có nền nếp.

Thân sinh của Nguyễn Đình Chiểu là cụ Nguyễn Đình Huy, hiệu Dương Minh Phủ (sinh ngày 29 tháng 12 năm 1793) người tỉnh Thừa Thiên Huế, giữ chức thư lại tại Văn hàn ty Tả quân dinh Lê văn Duyệt. Mùa hạ, tháng Năm năm Canh Thìn (1820), tả quân Lê Văn Duyệt được triều đình Huế phái vào làm tổng trấn thành Gia Định. Nguyễn Đình Huy theo Lê Văn Duyệt vào Nam giữ chức cũ trong dinh Tổng trấn thành Gia Định. Ở Thừa Thiên Huế, cụ Nguyễn Đình Huy đã có vợ là bà Phan Thị Hữu và hai con, nhưng khi vào Gia Định, cụ lại lấy thêm một người vợ thứ tên là Trương Thị Thiệt (sinh năm 1800, người làng Tân Thới, huyện Bình Dương, phủ Tân Bình, tỉnh Gia Định). Hai ông bà sinh được bảy người con, bốn trai, ba gái. Nguyễn Đình Chiểu là con đầu và ra đời tại quê mẹ.

Vào thời thơ ấu, Nguyễn Đình Chiểu sống ở Gia Định cùng với mẹ và thường được bà kể cho nghe nhiều chuyện cổ dân gian nói về thiện ác, nhân nghĩa, chính tà,... Khi Nguyễn Đình Chiểu 10 tuổi, gia đình gặp phải tai biến, khi ở Gia Định xảy ra sự kiện Lê Văn Khôi, con nuôi của tả quân Lê Văn Duyệt dấy binh chống lại triều đình nhà Nguyễn. Cuộc nổi dậy của Lê Văn Khôi bùng nổ, cụ thân sinh của Nguyễn Đình Chiểu bỏ nhiệm sở, chạy trốn về Huế. Theo đó, Nguyễn Đình Chiểu được đưa ra Huế ở nhờ nhà một người bạn của cha để đi

học. Nguyễn Đình Chiểu ở Huế từ năm 12 tuổi đến khi 19 tuổi. Cuộc sống tám năm theo học ở Huế và chế độ quan trường đã gợi lên trong lòng ông những suy nghĩ đầu tiên về thời thế, công danh, về đạo lý làm người và nhất là nhận rõ sự thối nát và phức tạp của triều đình, về biến cố của đất nước, dân tộc. Nhưng cũng chính vùng đất này cũng đã dạy cho ông nhiều truyền thống văn hóa của vùng đất đế đô. Sau đó ông trở về Gia Định. Năm 1843, ông ghi tên ứng thí ở trường thi Gia Định và thi đậu tú tài năm 21 tuổi. Thành công bước đầu trên con đường khoa bảng đã khuyến khích ông nỗ lực, cố gắng học tập. Đến năm 1847, Nguyễn Đình Chiểu trở ra kinh đô Huế tiếp tục học để tham dự kỳ thi năm Kỷ Dậu 1849. Nhưng có một điều trớ trêu đó là ông chưa kịp tham dự kỳ thi thi hay tin mẹ ông là bà Trương Thị Thiết lâm bệnh nặng và qua đời. Nguyễn Đình Chiểu liền quay trở về để chịu tang mẹ. Do quá đau buồn vì thương khóc mẹ cho nên trên đường trở về ông đã lâm bệnh và mắc chứng đau mắt và phải xin vào nhà một thầy thuốc vốn dòng ngự y ở Quảng Nam để chữa bệnh. Nhưng vì bệnh quá nặng, hai mắt ông đã bị mù vĩnh viễn. Cũng trong thời gian này, ông đã suy ngẫm kỹ về thời cuộc, nghĩ đến con người, và mặc dầu hai mắt đã mù, ông vẫn cố gắng học thêm nghề thầy thuốc với tâm niệm học là để cứu người chứ không phải nghề sinh sống, không ham danh lợi.

Nguyễn Đình Chiểu với nghị lực phi thường đã vượt mọi khó khăn gian khổ, quyết đi theo con đường hành đạo để phục vụ cho dân, cho nước, cứu dân, cứu nước. Sau khi mãn tang mẹ, ông mở trường dạy học ở Bình Vi (Gia Định), tiếp tục theo đuổi, học hỏi, nghiên cứu về nghề thuốc và bắt đầu sáng tác thơ văn và lấy hiệu là Hối Trai. Học trò theo học ông rất đông.

Năm 1854, một người học trò tên là Lê Tăng Quýnh vì cảm phục, mến thương Nguyễn Đình Chiểu nên đã xin gia đình gả cô em gái thứ năm của mình tên là Lê Thị Điền (1835-1886), người Cần Giuộc (Long An) cho thầy Chiểu.

Năm 1858 Pháp chính thức xâm lược Việt Nam và đã chiếm thành Gia Định, Nguyễn Đình Chiểu cùng gia đình về quê ở huyện Cần Giuộc, và tại nơi đây ông cũng đã mộ nghĩa các nghĩa quân tấn công đồn Đông Dương. Ông đã viết nên bài Văn tế Nghĩa sĩ Cần Giuộc, một tác phẩm bất hủ ngợi ca những người “dân ấp dân lân” đã anh dũng hy sinh chống phá đồn địch, tạo nên sĩ khí ngất trời trong lòng dân tộc. Tác phẩm *Dương Từ - Hà Mậu*, một tác phẩm công kích kẻ địch lợi dụng tôn giáo gây tổn hại cho nhân dân, và cũng phê phán những con người thờ ơ vô trách nhiệm với dân với nước. Khi ba tỉnh miền Đông rơi vào tay giặc, không khuất phục sống trong vòng vây của địch ông cùng gia đình xuôi về huyện Ba Tri tỉnh Bến Tre ngày nay, tại vùng đất hào hùng này ông tiếp tục công việc bốc thuốc chữa bệnh cho dân và giữ mối quan hệ chặt chẽ với các bậc sĩ phu yêu nước như Phan Văn Trị, Nguyễn Thông,... Năm 1864, Trương Định hy sinh, xót thương cho một tướng quân yêu nước thương dân, xuôi theo bụng dân phải mang tiếng nghịch thần Nguyễn Đình Chiểu đã viết bài văn tế với mười hai bài thơ liên hoàn để đưa tiễn và ghi nhận công lao của vị tướng quân này, và tiếp đó ông cũng đã viết mười bài thơ điệu để ghi nhận một người bạn hương sư của ông khi xưa là Phan Tông khi ông hy sinh trong trận Giồng Gạch, cả hai vị đều là những bậc anh hùng, Nguyễn Đình Chiểu đã dùng những tình cảm cao đẹp nhất cho hai vị anh hùng. Thời gian này, Nguyễn Đình Chiểu đã sáng tác rất nhiều thơ văn bi tráng, tiếc thương những kẻ sĩ, đồng bào cùng những người bạn đồng liêu của ông đã hy sinh oanh liệt trong trận chiến chống lại thực dân xâm lược và triều đình phong kiến. Lòng yêu nước thương dân vô hạn của Nguyễn Đình Chiểu thể hiện rõ nhất trong tác phẩm *Văn tế nghĩa sĩ trận vong Lục tỉnh*, tất cả tình yêu thương nhân dân đã được ông bày tỏ nỗi xót thương và lòng khâm phục những con người giản dị làm việc thanh cao. Tỏ rõ ông là một con người biết nhân biết nghĩa, yêu quý những con người giản dị. Nếu tác phẩm này là tác phẩm thể hiện lòng yêu nước thương dân một cách sâu

sắc thì tác phẩm “*Ngư Tiều y thuật vấn đáp*”, là đỉnh cao trong sáng tác của ông, tác phẩm này ông đã dồn tất cả tâm huyết vào lúc cuối đời, thể hiện rõ quan điểm của nhà thơ về vận mệnh dân tộc, thể hiện một tấm lòng yêu nước thương dân vô hạn, không một phút giây nào ông xao nhãng việc nước việc dân, đến đây ông đã có cái nhìn hoàn thiện về người nông dân cũng như nhận rõ bộ mặt của triều đình phong kiến.

Vùng đất Ba Tri không phải là nơi sinh ra ông nhưng là nơi tái sinh tâm hồn tư tưởng của ông, đưa nó lên một tầm nhận thức mới về xã hội và con người cũng như thời thế. Ông xứng đáng được ghi tên mình vào lòng dân tộc Việt Nam như là người con vinh quang của dân tộc Việt Nam.

### ***1.3.2. Các tác phẩm tiêu biểu của Nguyễn Đình Chiểu***

Sự nghiệp của Nguyễn Đình Chiểu chỉ riêng với “sự nghiệp thơ văn của ông đã đưa ông lên địa vị của một người mở đầu cho dòng văn học yêu nước và là ngôi sao sáng trong bầu trời văn nghệ dân tộc trong thời cận đại” [72, tr. 41].

Giá trị tư tưởng trong các tác phẩm của ông là những bài học vô cùng quý giá, đó là đạo đức nhân nghĩa yêu nước của ông kết tinh của những nguyện vọng và ý chí của những người nông dân đã hy sinh xương máu để dựng nước và giữ nước. Nguyễn Đình Chiểu bắt đầu sáng tác sau khi mù, hầu hết các tác phẩm đều viết bằng chữ nôm. Căn cứ vào nội dung có thể chia sáng tác của ông thành hai giai đoạn:

*Giai đoạn đầu*, trước khi Pháp xâm lược Nam kỳ (những năm 50 của thế kỷ XIX), ngoài dạy học và làm thuốc, ông viết *Lục Vân Tiên* và *Dương Từ - Hà Mậu*. Đây là thời kỳ tiếp tục hoàn thành và khẳng định tư tưởng yêu nước yêu dân, tư tưởng nhân nghĩa coi như một bộ phận trong triết lý nhân sinh của ông.

*Giai đoạn thứ hai*, những năm 60 và 70 của thế kỷ XIX. Đây là giai đoạn đỉnh cao và phát triển rực rỡ trong sự nghiệp văn chương Nguyễn Đình Chiểu.

Ông là ngọn cờ tiên phong cho dòng văn học yêu nước ở giai đoạn này, ông viết nhiều hơn với nhiều thể loại phong phú, gồm: thơ, văn tế và một tập truyện Nôm. Tác phẩm đánh dấu cho dòng văn học yêu nước là bài thơ *Chạy giặc*. Tác phẩm truyện Nôm “*Ông Ngự, ông Tiều hỏi đáp về thuật chữa bệnh*” là truyện thơ dài của Nguyễn Đình Chiểu. Hai nhân vật chính của truyện, Bào Tử Phục và Mộng Thê Triền vì gặp cảnh mất nước nên đã đi ở ẩn làm ngự, làm tiều, sau đó gặp được Đạo Dẫn, Nhập Môn và Kỳ Nhân Sư truyền cho y thuật trị bệnh cứu đời. Với 3644 câu, “*Ông Ngự, ông Tiều hỏi đáp về thuật chữa bệnh*” cốt để dạy cách làm thuốc chữa bệnh, tập trung vào các phần: mạch, chế dược, vận khí, thương hàn, sản phụ, nhi khoa,... nhưng đồng thời qua đó lại thể hiện một tư tưởng lớn về lòng yêu nước, thương dân. Ngoài ra còn có các bài thơ đường luật, các bài Hịch, Văn tế,... tiêu biểu như *Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc*, *Văn tế nghĩa sĩ trận vong Lục tỉnh*, các bài thơ điệu và văn tế *Trương Định*, *Phan Tông*,... *Hịch kêu gọi nghĩa binh đánh tây* hay *Hịch đánh chuột*,...

Trong toàn bộ các tác phẩm của ông không một tác phẩm nào mang tính vui chơi thanh nhàn, hưởng thụ mà đều mang một nỗi lòng của nhà Nho, nhà yêu nước, nhà tư tưởng Nguyễn Đình Chiểu từ thời bình đến thời chiến. Cuộc đời và sự nghiệp văn học của ông là một bài học lớn về lòng yêu nước, về đạo đức nhân nghĩa, về việc sử dụng văn chương là vũ khí chiến đấu không ngừng nghỉ. Qua đó, ông còn để lại cho lịch sử tư tưởng Việt Nam những giá trị hết sức quý báu, như những ánh hào quang tư tưởng chiếu tỏa, kết tinh nguyện vọng và ý chí của những con người hết lòng vì nhân nghĩa. Ông chính là tấm gương sáng cho lớp lớp người dân Việt Nam phấn đấu noi theo và tự hào trong giai đoạn hiện nay.

## Kết luận chương 1

Cuộc đời và sự nghiệp sáng tác của Nguyễn Đình Chiểu gắn liền với lịch sử dân tộc. Đó là bối cảnh nửa cuối thế kỷ XIX, chủ nghĩa tư bản đã chuyển từ giai đoạn tự do cạnh tranh sang giai đoạn phát triển chủ nghĩa đế quốc. Cùng với đó là quá trình đẩy mạnh công cuộc xâm chiếm thuộc địa ở khắp các châu lục trên thế giới. Việt Nam cũng chính là nạn nhân của hoạt động xâm chiếm ấy, trở thành thuộc địa của thực dân Pháp. Trước sự xâm lược của thực dân Pháp, triều đình nhà Nguyễn vốn đã uơon hèn, nay đành bất lực. Thực trạng này đã ảnh hưởng sâu sắc tới việc hình thành triết lý nhân sinh của Nguyễn Đình Chiểu trong tác phẩm “*Ngư Tiều y thuật vấn đáp*”.

Bên cạnh điều kiện kinh tế - xã hội, triết lý nhân sinh là một biểu hiện của hình thái ý thức xã hội, có có tính kế thừa đồng thời có sự tiếp nối. Chính vì vậy, triết lý nhân sinh của ông trong tác phẩm này còn là sản phẩm của sự chất lọc, kế thừa và tiếp thu những triết lý nhân sinh trong các triết lý của Nho - Phật - Lão; tư tưởng của các bậc danh y tiền bối; truyền thống của quê hương Gia Định và truyền thống tốt đẹp từ gia đình.

Tuy nhiên, yếu tố mang tính quyết định trong việc hình thành triết lý nhân sinh của Nguyễn Đình Chiểu trong tác phẩm này chính là ở cuộc đời đầy gian khổ nhưng với một nghị lực phi thường của bản thân, không khuất phục trước bất cứ một thế lực nào của ông.

## Chương 2

### MỘT SỐ NỘI DUNG CƠ BẢN VÀ Ý NGHĨA HIỆN THỜI TRIẾT LÝ NHÂN SINH CỦA NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU TRONG TÁC PHẨM “*NGU TIÊU Y THUẬT VẤN ĐÁP*”

Về bản chất, triết lý và triết học không khác nhau, chúng đều là những tri thức, sự hiểu biết mà con người khám phá ra trong nỗ lực giải đáp những câu hỏi lớn trong cuộc đời. Tuy nhiên, về mặt phương pháp thì triết học và triết lý có sự khác biệt căn bản. Nếu Triết học được xây dựng từ các lập luận lôgic, có tính hệ thống thì minh triết hình thành từ kinh nghiệm, trải nghiệm của các cá nhân/cộng đồng. Con đường truy tầm chân lý của triết học khởi sự từ tư duy phê phán của con người đối với các truyền thống văn hóa, hệ thống tri thức để từ đó, thông qua các lập luận lôgic mà tạo nên những giá trị, chân lý mới. Trong khi đó, triết lý bắt nguồn từ những cảm nhận mang tính trực giác, không đòi hỏi sự luận chứng cho tính đúng đắn của nó. Trên cơ sở tổng hợp các triết lý nhân sinh là những quan niệm về cuộc sống, lẽ sống của con người. Mục đích, ý nghĩa, giá trị của cuộc sống con người ra sao và sống như thế nào cho xứng đáng. Nội dung triết lý nhân sinh phản ánh những nhu cầu, những khát vọng, lý tưởng, mục đích, ý nghĩa cuộc sống, ước mơ, hoài bão của con người, về vai trò, vị trí của con người trong cuộc sống.

#### **2.1. Đạo sống của con người trước biến cố của lịch sử**

##### ***2.1.1. Trách nhiệm của con người trước vấn nạn của đất nước***

Sự xâm lược của thực dân Pháp là cuộc khảo nghiệm của lịch sử đối với các cá nhân trong xã hội lúc bấy giờ. Chưa bao giờ dân tộc Việt Nam phải trải qua cơn nguy biến lớn lao đến thế, đất nước từng bước rơi vào tay giặc, Lục tỉnh Nam Kỳ bị cắt nhượng cho thực dân Pháp. Mở đầu tác phẩm là một thực trạng đau thương: “Trời đông mà gió Tây qua” [72, tr. 722], nước loạn người lìa. Một phần đất nước bị chia cắt, người dân Việt lúc bấy giờ phải đối mặt với một vấn



nạn nhân sinh. Sự xâm lược của thế lực ngoại bang đe dọa đến sự tồn tại của sinh mạng, bị vong quốc ngay chính trên mảnh đất quê hương. Người dân phải sống trong cảnh nước mất nhà tan, sống cùng với kẻ thù ngay trên mảnh đất do cha ông bao đời gây dựng. Hiện thực xã hội đầy tang thương, chết chóc ấy đã được Nguyễn Đình Chiểu mô tả trong truyện thơ Ngư tiều y thuật vấn đáp. Ông sử dụng khái niệm khí chính và khí tà để nhận định về hiện trạng đất nước lúc bấy giờ:

“Ấy rằng quang nhạc khí phân  
Thánh hiền dẫu tối, di luân rồi nuôi  
Khiến nên mọi rợ dễ đuôi  
Tôi loạn, con giặc, phan phui sự đời  
Hơi tà ngang bủa khắp nơi...”

[72, tr. 797]

Nguyễn Đình Chiểu đã sử dụng quy luật của Kinh Dịch để lý giải sự vận hành của cuộc sống, của hiện thực xã hội. Quy luật hết bĩ rồi lại thái, khí chính cuối cùng sẽ át khí tà, ông nhìn nhận hiện trạng xã hội Việt Nam đang rơi vào cơn bĩ cực nhưng sớm muộn cũng sẽ khởi sắc, quân xâm lược sẽ bị đánh bại. Cách nhìn của Nguyễn Đình Chiểu về thế sự chịu ảnh hưởng của tư tưởng Phương Đông: âm dương, bĩ thái, cùng thông, sang hèn, trị loạn. Ông vận dụng triết lý của Chu dịch để lý giải về thời thế, vận mệnh đất nước.

Công cuộc xâm lược của chủ nghĩa thực dân đã đẩy toàn bộ nhân dân Việt Nam thời kỳ ấy vào cảnh khốn cùng. Người trí thức như Kỳ Nhân Sư, Đạo Dẫn, Nhập Môn, Ngư, Tiều không còn chốn dung thân, triển lộ tài năng kinh bang tế thế mà buộc phải ẩn nơi núi cao, lang bạt làm ngư, làm tiều để nuôi sống bản thân:

“Họ Bào, họ Mộng, hòa hai  
Trước theo nghề học đều tài bậc trung

Chẳng may gặp buổi đạo cùng  
Treo kinh, dẹp sử, lánh vòng loạn lý”

[72, tr. 671]

Trong khi đó, thân phận người phụ nữ, trẻ em... càng trở nên tội nghiệp. Vợ con của Tiều là nạn nhân của cuộc chiến xâm lược phi nghĩa ấy mà theo Nguyễn Đình Chiểu là khí tà đang lấn áp khí chính:

“Tiều rằng: Triền rất chẳng may  
Năm lần cưới vợ, còn nay một người  
Năm hoài, biếng nói, biếng cười,  
Rê rề đau máu, da tươi bàu nhàu  
Bốn người trước thác theo nhau,  
Người đau sản hậu, người đau thai tiền”

[72, tr. 674]

....

“Ngư rằng: Phước cũng như ngưoi  
Hôm mai lặn đạn về mười đứa con  
Chí lăm nuôi đặng vương tròn  
Chung tư trập trập, nhà còn phước gi  
Nào hay tạo hóa tiểu nhi  
Rủ bầy con nít đều đi bỏ mình”

[72, tr. 675]

Với lòng yêu nước sâu sắc, nhận thức được thực trạng đất nước, Nguyễn Đình Chiểu đặt ra vấn đề trách nhiệm của con người trước con nguy biến của đất nước. Trước hết, ông phê phán lên án những ông vua để dân rơi vào cảnh lầm than:

“Ghét đòi Kiệt Trụ mê dâm,  
Để dân đến nỗi sa hầm sẩy hang

Ghét đời U Lệ đa đoan  
Khiến dân luống chịu lầm than muôn phần  
Ghét đời Ngũ Bá phân vân  
Chuộng bề dối trá làm dân nhọc nhằn  
Ghét đời Thúc Quý phân băng  
Sớm đâu, tôi đánh lừng nhằng rối dân”

[72, tr. 112-113]

Nguyễn Đình Chiểu thông qua việc lên án các đời vua bất nhân, vô đức của Trung Hoa như Kiệt, Trụ cũng như cảnh giao tranh loạn lạc giữa các nhà thời Ngũ Bá, Thúc Quý đã thể hiện quan niệm của ông về trách nhiệm của một ông vua đối với nhân dân. Theo ông, sự giao tranh quyền lực, mê luyện tử sắc của tầng lớp trên của xã hội đã đẩy những người dân thấp cổ bé họng vào cảnh lầm than, cơ cực. Việc người dân sống trong cảnh nhiễu nhương như vậy là trách nhiệm trước hết của những người đứng đầu đất nước. Chỉ vì lợi ích riêng tư của bản thân mà họ không màng đến đời sống của nhân dân, khiến cho mọi tầng lớp trong xã hội không thể an ổn sinh hoạt. Việc ông buộc tội hành động đầu hàng, cắt đất cho giặc Khiết Đan của vua Thạch Tấn cũng chính là tố cáo tội lỗi của triều đình Huế:

“Kể từ Thạch Tấn ở ngôi  
U, Yên mấy quận cắt bồi Khiết Đan  
Sinh dân nào xiết bần than  
U, Yên trọn những giao bàn về Liêu”

[72, tr. 670]

Trong cảnh đất nước bị xâm lược, lẽ ra triều đình phải có trách nhiệm bảo vệ độc lập chủ quyền cho quốc gia dân tộc cũng như lãnh đạo quần chúng nhân dân đấu tranh chống giặc ngoại xâm. Tuy nhiên, triều đình nhà Nguyễn đã không đảm đương được trách nhiệm đó, thậm chí không ủng hộ các cuộc khởi

nghĩa của nhân dân chống lại chủ nghĩa thực dân. Chính vì thế, trong tác phẩm “*Ngư Tiều y thuật vấn đáp*”, Nguyễn Đình Chiểu đã mượn hình ảnh việc vua Thạch Tấn cắt đất cho giặc Khiết Đan để phê phán hành động cắt đất cầu hòa của triều đình Huế.

Có thể nói rằng đến giai đoạn này nhận thức mới về vua và người nông dân ở Nguyễn Đình Chiểu đã thay đổi nhiều ở giai đoạn trước của chính ông và cả ở những thời kì trước trong lịch sử. Nguyễn Đình Chiểu xuất thân từ cửa Khổng sân Trình, ngay từ nhỏ ông đã được đọc sách thánh hiền, giáo dục dạy theo đạo nho, và đối với ông lẽ sống ở đời là đạo thờ vua, vua là thiên mệnh, thiên tử. Nhưng ông cũng nhận thức được rằng Vua có tốt thì dân mới tốt mới có cuộc sống ấm no, hạnh phúc. Vua là người phải thấu hiểu được dân của mình, phải biết lắng nghe họ cần gì ở Vua và phải cứu vớt dân không được bỏ rơi dân của mình. Có thể thấy rằng, Nguyễn Đình Chiểu đã dùng tiếng nói của một người dân có Vua mà định hình cho mình về một ông Vua, Vua là người theo ông phải có trách nhiệm bao bọc dân, lo cho dân đem lại hạnh phúc và cơm áo cho dân tộc mình và đặc biệt là không được bỏ rơi dân của mình. Ông cũng đã thẳng tiếng phê bình những ông Vua vô trách nhiệm, bỏ mặc dân đen:

“Đạo người hai chữ quân thân  
Quân thân chẳng có nào luân lý gì”

[72, tr. 828]

Từ khi gót giày xâm lược của Pháp đặt chân lên đất nước ta, và hoành hành lên quê hương, ông cũng vì lẽ thờ vua mà ông không chấp nhận việc sống với giặc mà đành rời bỏ quê hương vì nghiệp lớn mai sau. Trọn cuộc đời mình Nguyễn Đình Chiểu sống dưới thời nhà Nguyễn và cụ thể hơn là vua Tự Đức, ông vẫn một lòng thờ vua nhưng khi Pháp xâm lược và vua đã ban chiếu chỉ bắt Trương Định giải giáp đầu hàng thì ông đã đánh mất lòng tin vào vua rất nhiều. Vua đã không lo cho dân, không có chí bảo vệ bờ cõi đất nước. Khi Trương

Định quyết định cải lệnh vua ban thì lòng Nguyễn Đình Chiểu đã vô cùng tán dương vị tướng quân này, nhưng là một nhà nho mang nặng lễ thờ vua, Nguyễn Đình Chiểu đã vô cùng mâu thuẫn trong giai đoạn này. Lòng ông giờ đây hướng về các bậc sĩ phu có lòng yêu dân và căm thù giặc tốt độ, ông mến phục Trương Định vì xuôi theo ý dân mà mang tiếng nghịch thần với vua và càng mến phục các bậc dám hy sinh vì nghĩa lớn. Ngay từ những ngày đầu, ông đã đặt niềm tin vào những “trang dẹp loạn” rất nhiều, ông đã ý thức được rằng trong cuộc binh đao này ai là người có thể bao bọc và che chở cho nhân dân. Ông đã đặt niềm tin và hy vọng vào những bậc anh hùng vào các trang dẹp loạn, nhưng ông cũng đã buông khuâng về sự vắng mặt này. Ông không giây phút nào có ý đầu hàng, có ý nhân nhượng quân thù cho dù đang thất thế, ông luôn xoay chuyển tình thế không đánh chúng trực tiếp được ông cũng chửi chúng, đánh chúng bằng cách khác để cổ vũ tinh thần chiến đấu của nghĩa quân.

Chính vì thế, trong tác phẩm “*Ngư Tiều y thuật vấn đáp*”, Nguyễn Đình Chiểu đã khẳng định trách nhiệm của giới nho sĩ đối với đất nước trong cảnh nguy nan là đấu tranh chống lại thế lực ngoại xâm. Ông đã thể hiện trách nhiệm của trí thức Nho học đối với vận mệnh của đất nước, đó là tâm thế sẵn sàng tham gia khởi nghĩa bảo vệ độc lập dân tộc:

“Trận đồ tám quẻ còn non nước  
Binh pháp năm mùi sẵn cỏ cây  
Hỡi bạn Y lâm ai muốn hỏi  
Đò xưa bến cũ có ta đây”

[72, tr. 684]

Đặc biệt, Nguyễn Đình Chiểu còn đưa ra quan niệm hành y chữa bệnh cho dân trong cơn biến loạn cũng là trách nhiệm của người trí thức Nho học trong cảnh biến loạn. Thế sự loạn lạc khiến những kẻ vốn theo đuổi mộng kinh bang tế thế như Mộng Thê Triền, Bào Tử Phục phải gác lại công danh, chấp

nhận thân phận làm ngư, làm tiều để tồn tại. Họ là nhân vật đại diện cho số phận chung của thế hệ trí thức Nho học Việt Nam cuối thế kỷ XIX trước sự xâm lược của chủ nghĩa thực dân. Trong bối cảnh đất nước bị giày xéo của thế lực thực dân, triều đình thì cắt đất cầu hòa, những người trí thức xuất thân từ cửa Khổng sân Trình đã không tìm thấy chỗ đứng của mình trong xã hội. Tri thức Nho giáo với lý tưởng trung quân giờ đây đã không còn hữu dụng với những người nhà nho yêu nước đứng về phía nhân dân. Nếu ngày xưa mục đích của con đường khoa cử là ra làm quan để thay vua chăm sóc dân chúng thì trong cuộc chiến loạn này, khi mà triều đình đi theo đường lối nghị hòa với giặc Pháp, người nho sĩ càng cảm thấy bế tắc với con đường sĩ đồ của mình. Nhận thức được thực tế lịch sử bi thảm ấy, Nguyễn Đình Chiểu thông qua tác phẩm “*Ngư tiều y thuật vấn đáp*” đã chỉ ra cho giới trí thức Nho học Việt Nam lúc bấy giờ một con đường mới để thực hiện trách nhiệm xã hội đối với đất nước. Theo Nguyễn Đình Chiểu, nhà Nho mặc dù ở ẩn nhưng không có nghĩa là lánh đời, bỏ mặc dân chúng mà có những người như Kỳ Nhân Sư, Bào Tử Phược, Mộng Thê Triền... bắt đầu học y, hành nghề y để cứu giúp dân chúng.

Vào nửa cuối thế kỷ XIX, sau khi Nam Bộ trở thành nhượng địa của Pháp, Tây y bắt đầu du nhập vào nước ta. Thế nhưng trên thực tế trước năm 1894, Pháp chỉ có quân y chăm sóc sức khỏe cho quân đội của chúng để tiến hành xâm lược Đông Dương và đến năm 1896, nhà thương Sài Gòn mới bắt đầu chữa bệnh, làm phúc cho một số dân bản xứ ở thành thị với tính chất tượng trưng. Trong thời gian Pháp tiến hành xâm lược Nam Bộ, bệnh dịch hoành hành, nhân dân đau ốm, chết chóc nhiều mà tình hình y học miền Nam lúc bấy giờ lại rất kém sút. Trong tình cảnh đương thời số thầy thuốc lành nghề và chân chính hiếm dần, một số không hiểu y dược, y lý “Dám đem thuốc Bắc trộn vào thuốc Nam” [72, tr. 818] hoặc chỉ biết một vài phương thuốc cũng ra làm nghề chữa bệnh, dẫn đến tình trạng người bệnh tiền mất tật mang hoặc bỏ mạng vì thuốc:

“Lỗi y hại một mạng dân,  
Lỗi thầy âm táng chết tươi một vòng.”

[72, tr. 834]

Có kẻ chỉ biết một phương thuốc gia truyền, không biết phân biệt bệnh lí, “ hàn , nhiệt, hư, thực” cũng đem áp dụng bừa bãi xem mạng dân như một trò chơi, hoặc dùng bệnh nhân làm vật thí nghiệm:

“Dám đem thuốc thử bệnh vời thêm đau”

[72, tr. 824]

Người đau hoắc loạn gân co

Đọt tre, gạo lứt, hốt cho còn gì?”

[72, tr. 820]

Ông coi trọng việc cứu dân như cứu nước, làm thuốc, dạy thuốc, chữa bệnh cho dân, tập trung giác ngộ những người dân yêu nước cố gắng làm một thầy thuốc học thông để “một lòng hiếu sanh”:

“Xưa rằng thầy thuốc học thông,

Thê theo trời đất một lòng hiếu sanh”

[72, tr. 730]

Là thầy thuốc nhưng cũng đồng thời là thầy chỉ đường cứu dân, cứu nước trong cảnh lầm than rên xiết. Hành đạo - để đi tìm một con đường, tìm một đạo sống tốt đẹp hơn. Từ đó, thầy thuốc Nguyễn Đình Chiểu còn mang đến cho người bệnh một tinh thần lạc quan, niềm tin vào tương lai tươi sáng của dân tộc:

“Ngày nào trời đất an ngôi cũ

Mừng thấy non sông lặng gió tây”

[72, tr. 673]

“Đạo đời có thịnh có suy,

Hết cơn bã bể tới kì thái hanh”

[72, tr. 723]

### 2.1.2. Lý tưởng đạo đức Nhân nghĩa

Thời đại Nguyễn Đình Chiểu sống là thời đại của những biến động, loạn lạc, sinh mạng con người thường xuyên bị đe dọa trước cuộc tấn công của thế lực thực dân. Không chỉ vậy, sau khi chiếm được Lục tỉnh Nam Kỳ, thực dân Pháp đã bắt đầu thực hiện chính sách cai trị lên vùng đất này, khiến cho đời sống của người dân càng trở nên khốn cùng. Trong bối cảnh đó, một vấn đề thiết yếu được đặt ra lúc bấy giờ là làm thế nào để có thể tồn tại trong thời buổi rối ren ấy? Con người phải sống như thế nào cho đúng nghĩa khi mà đất nước đang bị giặc xâm chiếm và đồng bào đang bị giày vò bởi kẻ thù. Nguyễn Đình Chiểu thông qua tác phẩm “*Ngư Tiều y thuật vấn đáp*” đã cung cấp cho chúng ta một lời giải xác đáng, mang tính nhân văn. Ông cho rằng, đã sống trong thời loạn lạc như vậy, con người cần phải giữ vững đạo lý của mình. Đạo lý đó là gì? Đó là thương dân, yêu dân, đối xử với người khác theo Nhân và Nghĩa. Nhân nghĩa theo Nguyễn Đình Chiểu phải dựa trên nền tảng lấy lợi ích của nhân dân, của dân tộc làm cốt lõi.

Nguyễn Đình Chiểu trên cơ sở tiếp thu khái niệm nhân nghĩa của Nho giáo đã xây dựng nên khái niệm nhân nghĩa mang màu sắc dân tộc Việt. Ở Nguyễn Đình Chiểu, nhân có nghĩa là “thương người” nhưng nó được bổ sung thêm tinh thần vị tha, quan tâm, chăm lo đến đời sống của dân chúng. Trong quan niệm của Nguyễn Đình Chiểu, Nhân không mang tính chất đẳng cấp, phân biệt đối xử giữa người với người trong xã hội như Nho giáo quan niệm. Mặt khác, khái niệm Nhân cũng không bị khoác lên vẻ ngoài thần bí, trở thành một phạm trù vượt ra khỏi đời sống xã hội như Hán Nho, Tống Nho. Trong tác phẩm “*Ngư Tiều y thuật vấn đáp*”, chúng ta thấy ông đặt khái niệm Nhân gắn liền với mọi tầng lớp nhân dân trong xã hội. Lòng thương người mà Nguyễn Đình Chiểu nói đến đó là lòng thương dân, đặc biệt là những người dân nghèo khổ, những người lương thiện nhưng gặp bất



hạnh và bị chà đạp trong xã hội. Không chỉ vậy, những người ăn mày vốn bị xã hội khinh rẻ, sống cùng cực dưới đáy xã hội cũng là đối tượng mà khái niệm Nhân của Nguyễn Đình Chiểu hướng tới:

“Ăn mày cũng đũa trời sinh  
Bịnh còn cứu đặng, thuốc dành cho không”

[72, tr. 731]

Còn Nghĩa được ông đề cập đến với nghĩa là trách nhiệm đạo đức để bảo vệ trật tự xã hội, duy trì cuộc sống của người dân. Nghĩa theo Nguyễn Đình Chiểu không phải là khái niệm bị bó buộc ở sự phục tùng, hy sinh mù quáng trong quan hệ vua - tôi, cha - con, chồng - vợ, anh - em, bè bạn mà nó gắn liền với lợi ích của nhân dân. Ông cho rằng, Nghĩa là trách nhiệm đạo đức mà các cá nhân phải thực hiện đối với nhà, đối với nước, đối với nhau trên cơ sở lấy lợi ích nhân dân làm nền tảng. Nhân nghĩa phải được biểu hiện thành các hành vi khuyến thiện, giúp đỡ người dân bảo vệ hạnh phúc và cuộc sống an lành:

“Trọn mình noi nghĩa ở nhơn  
Bo bo giữ việc, ra ân làm lành”

[72, tr. 730]

Có thể thấy, nhân nghĩa trong quan niệm của Nguyễn Đình Chiểu đã kế thừa truyền thống nhân nghĩa của dân tộc, trong đó tiêu biểu là tư tưởng nhân nghĩa của Nguyễn Trãi. Nguyễn Trãi trên cơ sở vận dụng khái niệm nhân nghĩa của Nho giáo đã nhấn mạnh “việc nhân nghĩa cốt ở yên dân”. Với Nguyễn Trãi, Dân bao gồm tất cả mọi tầng lớp trong xã hội, đặc biệt là cả những tầng lớp cùng khổ trong xã hội như nô tỳ, dân con đò:

“Đem đại nghĩa để thắng hung tàn;  
Lấy chí nhân để thay cường bạo.”

[78, tr. 78]

Không chỉ vậy, Nguyễn Đình Chiểu còn đưa ra nhiều phương cách hành thiện, thực hành điều nhân nghĩa cho mọi tầng lớp trong xã hội lúc bấy giờ. Ông cho rằng người giàu có thể giúp những người nghèo khó cơm áo, tiền đượ, tiền quan tài... trong khi đó những người nghèo thì học thuốc cứu người hoặc bỏ công sức giúp đỡ các việc vá giày, lợp nhà, tang ma:

“Giàu thời bắt chước xưa hào:  
Nợ lâu đốt khế lúa vào đong ra  
Con ai cô quạnh mẹ cha,  
Lớn khôn gả cưới, bé nhà gìn nuôi  
Thấy người đói khó chớ nguôi,  
Chỗ cho cơm áo chỗ lòi tiền lương”

[72, tr. 731]

...

“Nghèo thời bắt chước xưa thanh  
Gặp nạn trú đây cứu sinh mạng người  
Tập theo nghề thuốc cứu người,  
Cứu đui, cứu ngọng ai cười trời thầy”.

[72, tr. 732]

Có thể nói, khi mà đất nước bị kẻ thù xâm chiếm, triều đình thì quay lưng lại với các phong trào khởi nghĩa của nhân dân, thì cũng là lúc lòng người dễ bị chao đảo nhất. Các giá trị đạo đức nhân nghĩa vì thế cũng sẽ dễ dàng bị nhấn chìm bởi các lợi ích sinh tồn. Nhận thức được thực trạng đạo đức xã hội trên đây, Nguyễn Đình Chiểu thông qua tác phẩm “*Ngư Tiều y thuật vấn đáp*” đã thể hiện mong muốn khôi phục lại các giá trị đạo đức Nho giáo. Có thể thấy xuyên suốt tác phẩm là tư tưởng nhất quán, đề cao Nhân nghĩa của ông. Quan niệm về đạo làm người của Nho giáo với các giá trị nhân, nghĩa, lễ, trí, tín được ông lồng ghép vào các lời nói của các nhân vật. Trong tác phẩm “*Ngư Tiều y thuật vấn*

đáp”, Nguyễn Đình Chiểu đã xây dựng nên các hình tượng nhân vật không chỉ tài năng mà còn là những con người đức hạnh. Thứ nhất là Kỳ Nhân Sư:

“Ngư rằng: vốn thật thầy nhu  
Lòng cuu gắm nhiều lại giàu lược thao  
Nói ra vàng đá chẳng xao  
Văn ra dấy phụng rời giao tung bùng  
Trong mình đủ chước kinh luân  
Thêm trau đạo đức mười phân rõ ràng”

[72, tr. 676]

Kế đó là Mộng Thê Triền và Bào Tử Phục. Họ vốn là những nhà nho, vốn ôm mộng kinh bang tế thế nhưng khi đất nước rơi vào cảnh điêu linh thì buộc phải chuyển sang nghề làm ngư, làm tiều:

“Họ Bào, họ Mộng, hòa hai  
Trước theo nghề học đều tài bậc trung  
Chẳng may gặp buổi đạo cùng  
Treo kinh, giẹp sử, lánh vòng loạn ly”

[72, tr. 671]

Cả hai nhân vật này đều sống cùng với những người dân nghèo, trong cuộc sống thường nhật họ cũng gặp không ít khốn cảnh như vợ đau, con chết. Tuy nhiên, dù cho xã hội có rối ren, đảo điên, lòng người có bị mua chuộc bởi vật chất thì Ngư và Tiều vẫn kiên quyết không hợp tác với kẻ thù:

“Nước non theo thú ẩn cư  
Thờ trên, nuôi dưới, nên hư mặc trời”

[72, tr. 670]

Đặc biệt, Kỳ Nhân Sư khi bị kẻ thù mua chuộc dụ dỗ thì ông đã tự chọc mù đôi mắt của mình để không phải làm việc cho chúng. Chi tiết này đã thể hiện

nhân cách, khí tiết của người trí thức Việt Nam trước sự đe dọa của thế lực ngoại xâm:

“Dẫn rằng: Việc chẳng khá nài  
Nhân sư bệnh ở Thiên Thai lánh người  
Dạy ta thay mặt, đổi lời  
Về đây từ tạ sứ vời Tây Liêu  
Thầy ta chẳng khứng Sĩ Liêu  
Xông hai con mắt bỏ liều cho đui”

[72, tr. 794]

Hình ảnh Kỳ Nhân Sư tượng trưng cho hình ảnh của người trí thức Việt Nam cuối thế kỷ XIX khi đối diện với sự xâm lược của thực dân Pháp. Đi ở ẩn, chuyên tâm vào lĩnh vực y học để cứu giúp dân lành cũng là một giải pháp cho tầng lớp trí thức đương thời để giữ gìn nhân cách và tâm hồn của mình. Có thể nói, trong cảnh nước mất nhà tan, kẻ thù thống trị tàn bạo, đời sống khốn cùng như vậy, có thể giữ vững được lý tưởng đạo đức nhân nghĩa không phải là điều dễ dàng. Nguyễn Đình Chiểu với tác phẩm “*Ngư Tiều y thuật vấn đáp*” đã một lần nữa khẳng định lại giá trị đạo đức Nhân nghĩa, tái phục hồi lại địa vị của Nho giáo đã bị khủng hoảng bởi sự xâm lược của chủ nghĩa thực dân.

## 2.2. Quan niệm về Y đạo

Theo Nguyễn Đình Chiểu, khi người trí thức rơi vào bước đường cùng, không còn lối thoát, phải chịu sự thống trị của thực dân Pháp thì điều quan trọng nhất là họ vẫn giữ được khí tiết, nhân cách của mình. Không chỉ vậy, mặc dù lánh đời, ở ẩn nhưng họ không xa rời quần chúng nhân dân. Trí thức Nho giáo đã không thể giúp các nhà nho như Kỳ Nhân Sư, Mộng Thê Triền, Bào Tử Phục thoát khỏi tình trạng hiện thực, giải phóng họ khỏi sự xâm lược của thực dân Pháp. Một số nhà nho đã tham gia phong trào khởi nghĩa chống lại kẻ thù nhưng đã rơi vào thất bại. Các nhân vật trong truyện “*Ngư Tiều y thuật*

*vấn đáp*” của Nguyễn Đình Chiểu đã đi vào con đường y học để giải đáp cho câu hỏi trách nhiệm của mình trước vận mệnh đất nước. Trong thời bình, nhà nho thi đỗ ra làm quan, giúp vua chăm lo cuộc sống của dân chúng. Trong thời loạn, kẻ thù hoành hành, triều đình bạc nhược, nhà nho không còn chỗ đứng chân để thi triển tài năng, họ buộc phải chuyển hướng sang nghề thuốc. Tuy nhiên, người thầy thuốc theo Nguyễn Đình Chiểu cũng chính là nhà nho mà thôi:

“Tưởng là đạo thuốc thâm u  
Hay đâu y cũng trong nho một nghề”

[72, tr. 809]

Dù khác nhau về phương thức nhưng theo Nguyễn Đình Chiểu, nhà Nho và thầy thuốc đều hướng đến cùng một mục tiêu là chăm lo cuộc sống của người dân. Do đó, ông cho rằng “y cũng trong nho một nghề”

### **2.2.1. Vai trò của người thầy thuốc**

Trong tác phẩm “*Ngư Tiều y thuật vấn đáp*”, Nguyễn Đình Chiểu đã mượn bối cảnh của đất nước U, Yên ở Trung Hoa đời xưa bị ngoại bang xâm chiếm, dựng lên câu chuyện mấy người dân xứ này đi lánh nạn và cũng tìm thầy học thuốc, để dưới hình thức nói chuyện về y học, thổ lộ lòng căm phẫn của mình đối với thời cuộc, nhằm cổ súy tinh thần đấu tranh chống xâm lăng của đồng bào, đồng thời cũng để nói lên sự lưu tâm của mình đối với tính mạng của bệnh nhân trước tình cảnh các danh y vụ lợi, nhằm bổ cứu tình trạng y học đương thời. Hơn thế, “*Ngư Tiều y thuật vấn đáp*” không chỉ đơn thuần là việc dạy cách chữa bệnh cho người, mà cốt yếu là bày tỏ lẽ tìm thầy học đạo để cứu đời, lẽ làm người và cứu đời, cứu nước.

Đề cập tới vai trò của người thầy thuốc trong việc chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe cho con người, Nguyễn Đình Chiểu cho rằng, người thầy thuốc giữ vai trò, vị trí cực kỳ quan trọng. Bởi lẽ công việc của người thầy thuốc liên quan trực

tiếp tới sinh mệnh của con người, là nghề nắm trong tay sự sống, chuyên bảo vệ sự sống của con người, thậm chí quyết định sự sống chết của con người:

“Mạng nay già trẻ gói trong tay”

[72, tr. 684]

“Đau ốm lòng dân cây có thầy”

[72, tr. 684]

Thực tế cho thấy, không có nghề nào lại đi vào đời sống con người một cách sâu sắc và cấp thiết như nghề thuốc. Nhưng cũng không có nghề nào như nghề thuốc mà mỗi một lỗi lầm hay một thiếu sót dù nhỏ lại có thể gây nên những tác hại lớn đến sức khỏe của con người và thậm chí đến tính mạng của con người. Đồng thời người mắc lỗi khi đó không còn cơ hội để sửa chữa, khắc phục được nữa. Và cũng đã từ lâu, người ta đã coi nghề y là một nghề đặc biệt, một nghề nhân đạo có quan hệ đến đời sống và tính mạng con người, đến hạnh phúc của từng gia đình, tương lai nòi giống, đến sức khỏe và sự cường thịnh của một dân tộc, của toàn xã hội. Vì thế, sứ mệnh cao quý và nền tảng của thầy thuốc là phục vụ bệnh nhân, để cứu sống, để duy trì hay phục hồi sức khỏe cho bệnh nhân. Nó tựa như lòng hiếu sinh, hiếu đễ tiên thiên sẵn có trong mỗi con người, là phần người trong mỗi con người, giống như đạo của trời đất. Bằng cách đó, chỉ cho con người biết cách “hòa” với cái “thái hòa” của toàn bộ Thiên - Địa - Nhân. Trong trời đất âm dương giao hòa, ngũ hành phối hợp, vạn vật sinh sinh, hóa hóa:

“Coi chừng trời đất trong hình người ta”

[72, tr. 715]

“Xưa rằng: thầy thuốc học thông,

Thể theo trời đất một lòng hiếu sanh”

[72, tr. 730]

Tuy nhiên, nghề y cũng lắm bực bề khôn lường:

“Thêm bầy quỷ quái theo lừa,  
Nhóm non Thập Ác tranh đua khuấy đời”

[72, tr. 679]

Đó là việc một số thầy thuốc chạy theo lợi nhuận, chạy theo đồng tiền, chạy theo chút lợi ích vật chất mà sẵn sàng đánh đổi cả lương tâm nghề nghiệp, coi nhẹ mạng sống của người bệnh. Để rồi từ một nghề cao quý thánh thiện bị người đời chê bai bởi lắm bợn yêu ma, quỷ quái hại dân:

“Ra làm phép bậy đua nhau dối đời”

[72, tr. 771]

Ngày nay, người đời không chỉ dành cho nghề y sự chê bai mỗi khi có những sai sót, sự cố. Người ta không chút ngần ngại kéo đến hành hung y bác sỹ ngay cả trong phòng làm việc, trong khuôn viên bệnh viện hay trên đường. Mức độ, mật độ các vụ việc ngày càng liên tục và nghiêm trọng trong toàn xã hội. Thực tế này đòi hỏi bản thân mỗi một người thầy thuốc cần có sự xem xét, điều chỉnh lại hành vi của mình sao cho phù hợp với những chuẩn mực đạo đức của người thầy thuốc.

### **2.2.2. Con đường học tập của người thầy thuốc**

Mỗi một ngành nghề đều có những đặc thù, yêu cầu và đòi hỏi khác nhau. Theo Nguyễn Đình Chiểu, *con đường học y* của người thầy thuốc thật không hề đơn giản, nó gian nan, khúc khuỷu ... tựa như đường đi rất dài:

“Nhiều non nhiều núi nhiều rừng,  
Nhiều đèo nhiều ải nhiều chùng động hang”

[72, tr. 678]

“Rằng trong ải ấy lắm nơi hiểm nghèo”

[72, tr. 679]

Thậm chí vô cùng khắt khe, lắm éo le, trắc trở:

“Xui lòng nhân dục nhiều khi lung loạn”

[72, tr. 679]

Con đường học tập ấy chỉ dành cho những người có ý chí nghị lực cao, quyết tâm và hoài bão lớn. Với nghề y đòi hỏi sự lựa chọn hết sức chặt chẽ đối với người hành nghề y. Không phải ai cũng có thể trở thành thầy thuốc. Đó phải là người “học thông”, có “lòng hiếu sinh” hay chính là sự hội tụ đủ tài năng và đức độ.

Muốn có được kiến thức, đòi hỏi người thầy thuốc phải học một cách nghiêm túc, bài bản tới nơi tới chốn chứ không thể “lây lắt”, không thể đùa trên thân thể người bệnh, phải có tinh thần cầu thị, tiến bộ, không ngại dẫu dốt. Học một cách nghiêm túc, thực sự và bài bản. Phải có lòng kiên định, bản lĩnh vững vàng, sự *kiên trì, không được nóng vội* là phương tiện giúp người học y sắp xếp, xâu chuỗi các kiến thức theo logic, nếu không học lần lượt sẽ chẳng hiểu gì, chẳng có kết quả, muốn học được hệ thống như vậy, cần phải kiên trì liên tục. Học không tới nơi, tới chốn sẽ không thể trở thành thầy thuốc theo đúng nghĩa trị bệnh người. Cho nên, *học y không kể tuổi tác*. Có người đến với nghề y từ rất sớm. Bên cạnh đó, cũng có người đến với nghề y mặc dù không sớm nhưng cũng chưa phải là muộn. Chỉ cần khi đã có sở thích, ý tưởng hoài bão và trở thành nỗi khát khao, sự thôi thúc thì con người cần nỗ lực thực hiện. Hai nhân vật chính, Mộng Thê Triền và Bào Tử Phục tuổi tác khác nhau, từ những nghề khác nhau rồi do nhân duyên đã đến với nghề thuốc, họ đâu phải ít tuổi, trẻ trung:

“Có tên rằng Mộng Thê Triền  
Tuổi vừa bốn chục nhân duyên năm lần”

[72, tr. 671]

“Tên rằng Tử Phục họ Bào làm ngư  
Trong mình ba chục tuổi dư,”

[72, tr. 671]



Điều này cho thấy nhân quan của Nguyễn Đình Chiểu rất tiên bộ trong bối cảnh thực tại của đất nước. Chính bản thân ông là một nhân chứng cho quan niệm này. Ông đã trải qua những tháng ngày điều trị bệnh, ông nghĩ đến cuộc đời, đến con người, và mặc dù đã bị mù nhưng ông vẫn cố công học nghề thuốc để chữa bệnh cứu người. Không những vậy, ông còn trở thành một thầy thuốc giỏi, tìm ra được những phương thuốc thích hợp với những người nghèo khổ, thậm chí chữa bệnh từ thiện đối với họ; đồng thời thức tỉnh với những người u mê bởi thời cuộc - hoàn thành hoài bão cứu dân độ thế góp phần giúp cho người bệnh sớm thoát khỏi nỗi khổ của bệnh tật đeo đẳng, giày vò.

Bên cạnh đó, học y còn là một hành trình gian khổ:

“Hỡi ôi! Học thuốc dày công,”

[72, tr. 710]

“Làm thầy há dễ một thiên,”

[72, tr. 709]

Tiếp đó, ông đưa ra lời khuyên với những người đã xác định chín chắn để bước vào nghề y:

“Khuyên người gắng đọc Nội kinh”

[72, tr. 716]

Nội kinh là sách kinh điển về đông y. Là một lương y thông hiểu cặn kẽ y lý phương Đông và y thuật Việt Nam, để có được tác phẩm “*Ngư Tiều y thuật vấn đáp*”, Nguyễn Đình Chiểu đã dày công nghiên cứu đến cả trăm bộ sách về y dược, “gắng công đọc sách hơn mười năm nay”. Trình bày những vấn đề lý luận của Đông y, kèm theo giải thích cặn kẽ những thuật ngữ ngành y. Ngoài ra, phải nghiên cứu sách Kinh Dịch, có như vậy mới rõ được “lễ ngũ hành”

“Ai mà rõ lễ ngũ hành,

Việc trong Trời Đất dữ lành trước hay.”

[72, tr. 690]

Khi đã rõ được lẽ ngũ hành, nắm được nguyên lý âm dương trong chữa bệnh đông y, người thầy thuốc có thể khiến cho bệnh dữ hóa lành. Nguyễn Đình Chiểu không chỉ kế thừa những tinh túy trong kinh nghiệm của Trung Hoa, ông còn kế thừa trực tiếp những kinh nghiệm này từ những đại danh y tiên bối của nước ta như Tuệ Tĩnh (thế kỷ XIII) và Hải Thượng Lãn Ông Lê Hữu Trác (thế kỷ XVIII). Các bậc đại danh y cũng từ việc đi sâu nghiên cứu Kinh Dịch, rõ được lẽ âm dương ngũ hành để lại cho hậu thế của dân tộc một khối lượng tri thức phong phú về y lý, y đức, y thuật và những bài thuốc quý. Cụ Lê Hữu Trác (1720 - 1791) từng khẳng định trong tác phẩm *Phụ đạo xán nhiên rằng*: "... Không thông hiểu trời đất người, không thể gọi là nhà y. Lại có câu: Phải học Kinh dịch trước, rồi sau mới có thể nói đến y lý vì lý của âm dương là lý của y học..." và "Hiền triết đời xưa nói: Học kinh Dịch đã rồi mới có thể nói đến học thuốc". Tuy nhiên với Nguyễn Đình Chiểu, nói đọc Nội Kinh, tìm hiểu về Kinh Dịch không phải học máy móc những hào, những quẻ, những từ của Kinh Dịch mà chỉ cần học biết cái thể biến hoá của âm dương, cái dụng sinh khắc của Ngũ hành:

“ Đạo y nửa ở Dịch Kinh,  
Chưa thông lẽ Dịch sao rành chước Y”

[72, tr. 741]

Sau đó đến học thầy, học cách chữa bệnh từ đơn giản đến khó, học một cách bài bản, học qua thơ cho dễ nhớ, dễ vận dụng. Để rồi người thầy thuốc trong việc thăm khám cho bệnh nhân phải tìm rõ nguyên nhân, căn nguyên của bệnh:

“Học y muốn khỏi tội to  
Hiệp kinh mấy chứng phải dò căn nguyên”

[72, tr. 748]

Muốn chữa được bệnh, chữa tận gốc, phải cẩn thận soi xét căn nguyên, gốc rễ của bệnh. Nếu không cẩn thận dẫn đến chẩn trị sai lệch một chút khác có sự an nguy đến tính mạng người bệnh. Đây là nguyên tắc quan trọng bất di bất dịch trong lịch sử ngành y bất kì thời đại nào, người thầy thuốc phải xem xét một cách toàn diện, kỹ lưỡng, tránh bỏ sót bất kỳ một biểu hiện nào của người bệnh. Từ tổng thể những biểu hiện ấy, người thầy thuốc mới có thể chẩn đoán và kê đơn, bốc thuốc đúng người, đúng bệnh. Việc chữa trị mới mang lại hiệu quả để tiền mất tật mang thậm chí tước đi cả tính mạng người bệnh. Một điều tiên bộ đó là việc ông quan niệm rằng, trong chữa bệnh phải có sự linh hoạt, tránh dập khuôn máy móc:

“Tùy cơ ứng biến tột mò gốc đau”

[72, tr. 751]

Là người thầy thuốc, ông tâm niệm cũng như khuyên mọi người dân phải biết chống bệnh như chống giặc, coi bệnh tật chính là giặc, thậm chí đó là giặc nội xâm. Với quan niệm chống bệnh như chống giặc tác phẩm này đã chỉ cho giới y học đương thời một đường lối đúng đắn là bồi bổ chính khí và giữ gìn nguyên khí, đồng thời biết làm chủ trong việc phòng bệnh và chữa bệnh. Làm thuốc giống như dùng binh, như thuật chống giặc của thánh nhân. Không chỉ chống ở ngoài biên giới mà cần phải chống ở trong ngay trong sân ngõ. Chống giặc ngoại xâm có khi còn dễ hơn giặc nội xâm vì tính khó đoán định, bất ngờ. Điều này sẽ rất nguy hiểm, nếu không chống tốt dẫn tới trăm trận thua cả trăm:

“Ví như ông tướng dùng binh,

Binh không kỷ luật trao mình giặc đâm.”

[72, tr. 806]

Đồng thời, Nguyễn Đình Chiểu luôn coi việc học lý thuyết phải gắn với việc thực hành, phải luôn trau dồi học vấn và kỹ năng nghề nghiệp của bản thân:

“Môn rằng: Học phải có hành,

Hiệp coi vị thuốc dẫn kinh cho tường”

[72, tr. 746]

Bất kể ngành nghề nào trong xã hội cũng đòi hỏi phải có sự gắn kết giữa lý thuyết với thực hành. Nghề y càng coi trọng nguyên lý này hơn cả bởi lẽ mỗi thao tác, kỹ thuật của thầy thuốc đều gắn với mỗi vị trí trên cơ thể bệnh nhân. Người thầy thuốc không thành thạo các huyết, mạch... sẽ dẫn tới sự an nguy của người bệnh, lạnh lại hóa dữ khôn lường. Các thao tác của người thầy thuốc phải được thường xuyên liên tục tạo thành kỹ năng, tạo độ chính xác cao đặc biệt trong phẫu thuật.

Với việc hành nghề, Nguyễn Đình Chiểu nêu lên yêu cầu *đối với đạo đức của người thầy thuốc* không chỉ trong bối cảnh xã hội đương thời mà thiết nghĩ tất cả các xã hội trước đây và với cả xã hội sau này đó là người thầy thuốc phải có lương tâm nghề nghiệp:

“Thấy người đau giống mình đau

Phương nào cứu đặng, mau mau trị lành”

[72, tr. 731]

Nguyễn Đình Chiểu đã kế thừa quan điểm nhân văn trên của các bậc danh y trong nước như Tuệ Tĩnh, Hải Thượng Lãn Ông Lê Hữu Trác... Hay ông tổ nghề y ở phương Tây từ thời cổ đại là Hypocrat. Cụ Lê Hữu Trác lúc sinh thời, trong Y huấn cách ngôn có viết: “Đạo làm thuốc là một nhân thuật chuyên bảo vệ sinh mạng con người, phải lo trước cái lo của người và vui cái vui của mình. Chỉ lấy việc cứu người làm phận sự của mình mà không cần danh lợi, kể công” [5, tr. 294]

Theo Nguyễn Đình Chiểu không phải ai cũng có thể đến được với ngành y. Phàm những người phải có lương tâm, có đạo đức, có trách nhiệm cao, có sự đồng cảm và lòng thương yêu sâu sắc với người bệnh mới hành được nghề y. Người thầy thuốc phải hết mình vì người bệnh, hết lòng giúp đỡ người bệnh bởi

hơn ai hết, ông thấm đượm nỗi đau bệnh tật của người bệnh. Ngoài chữa bệnh về thể xác, người thầy thuốc còn phải làm nhiệm vụ nâng đỡ, giúp giảm nỗi lo âu, gánh nặng, sự đau đớn về tinh thần cho họ, không quản khó khăn, thậm chí nguy hiểm đến tính mạng vẫn hết mình chữa trị, chăm sóc cứu sống người bệnh dẫu rằng cuộc sống của bản thân còn khó khăn. Từ sự đồng cảm, yêu thương người bệnh, ông còn khuyên mọi người phải biết lo sợ:

“Ta thường lo sợ mạng người”

[72, tr. 746]

Từ sự lo sợ cho tính mạng, sự an toàn của người bệnh, người thầy thuốc mới có thể đem hết tài sức và cái tâm để phục vụ người bệnh. Không tham lam, vòi vĩnh bệnh nhân để cầu tư lợi cho bản thân. Đồng thời không ham công danh lợi lộc. Bởi làm thầy thuốc là để hành đạo cứu người chứ không chỉ vì nghề để vụ lợi. Tất nhiên ngành nghề nào cũng đều có công danh song nếu nghề y mà ham công danh sẽ rất nguy hiểm. Tính mạng bệnh nhân không thể đùa, không thể được đánh đổi bằng chút lợi ích vật chất. Đó là lối sống có văn hóa, biết tự hào dân tộc, biết tự trọng của một người trí thức chân chính, biết trân trọng phẩm giá con người, biết giữ tiết nghĩa của một kẻ sĩ. Đó chính là đã hoàn thành y đạo của người thầy thuốc.

### **2.2.3. Đạo đức của người thầy thuốc (Y đức)**

Trong xã hội, bất cứ ngành nghề nào cũng đều cần có đạo đức, mỗi nghề khác nhau lại có những chuẩn mực đạo đức riêng gọi là đạo đức nghề nghiệp. Đó là điều hết sức quan trọng, đặc biệt đối với người hành nghề thuốc. Chính vì vậy, ngay từ đầu khi bước vào rừng Y phải xác định được điều khó khăn đầu tiên đó là phải thuộc lòng được cơ thể con người, sau đó phải tu dưỡng để chiến thắng được “lục tặc” tức sáu tên giặc sẵn sàng lôi cuốn con người vào cõi dục vọng sai lầm: “Nào lo Lục Tặc ngăn giành đường đi”.

Trong đó gian nan nhất chính là “trông Âm Chất”. Âm Chất tức việc làm phúc không cần người biết, là điều lành, điều thiện chỉ có trời đất, quỷ thần biết. Người thầy thuốc phải biết lấy âm chất làm đầu. Vì vậy, việc làm thầy không phải đơn giản chỉ là học thầy mà còn phải học cả ở bạn, kẻ trên người dưới, việc làm thầy không thể “lây lắt” được:

“Trước sau trọn đạo phải âu học thầy”

[72, tr. 807]

Ông cũng khuyên răn người học “chớ e hỏi dưới ngõ ngang hổ người”, vì “đã đi câu đạo sợ cười chê chi”, phải khiêm tốn học hỏi, không tự phụ chủ quan và không giáo điều với sách vở “miễn cho thấy đạo rõ ràng”. Đồng thời, người học y phải “ý mình suy ra”, phải kỳ cho “tốt lẽ”, để cho “thấy đạo” tức là để cho hiểu được sâu, nắm vững được nguyên tắc, gốc rễ bệnh. Tuy nhiên, ông cho rằng người học y không được cứng nhắc, dập khuôn mà phải “thường biến”, linh hoạt, “tri”, “hành” phải hợp nhất.

Chữa bệnh cứu người là một nghề không hề đơn giản, ngoài việc kén người, làm thuốc còn là một kỹ thuật, liên quan đến sinh mệnh con người. Trước “bầy lục tặc”, người thầy thuốc phải biết giữ “thiên chân” của bản thân để luôn có được “thần sáng, tinh rờng”. Khi đầu óc đã được sáng láng, minh mẫn thì việc khám và chẩn đoán, trị bệnh mới chính xác, xứng đáng với trách nhiệm lớn lao nắm giữ sinh mệnh “già trẻ ở trong tay”. Làm thuốc đòi hỏi tinh thần, trách nhiệm phải rất cao. Làm thuốc giống như “dùng binh”. Mà dùng rồi thì phải “kỷ luật”, như ông tướng dùng binh, tướng phải trí dũng. Chữ y cũng đồng thời là chữ ý, “y là ý vậy”, nên phải “gẫm qua xét lại”, thuốc không trúng là phải khổ công tự vấn để tìm cho ra phương. Khi đã tìm ra phương thì “đùng nhút nhát”.

Làm thuốc còn là “thể theo trời đất một lòng hiếu sinh” [72, tr. 730]. Âm dương giao hòa, ngũ hành phối hợp, vạn vật sinh sinh, hóa hóa không cùng, đó là đức nhân lớn nhất của trời đất. Thầy thuốc “học thông” chính là sự thể

hiện đức nhân ấy thành tình thương yêu sâu rộng, cảm động đối với người bệnh. Thương người bệnh vì họ cùng “ngô bào”, dù cho đó là “đứa ăn mày”. “Thấy người đau” đã tự nhiên thấy như “giống mình đau”. Và suốt đời chẳng ham danh, cầu lợi, ganh tị với ai, chỉ một điều “ra ân làm lành”, không cần ai biết tới (Âm chất). Âm chất do đó sẽ đến được Âm công.

Chính vì thế, Nguyễn Đình Chiểu yêu cầu người hành nghề y chữa bệnh không được lợi dụng hay lừa dối người bệnh:

“Mạng dân nào phải trái chơi,  
Dám đem thuốc thử bệnh vời thêm đau,”  
[72, tr. 824]

“Đời nhiều thầy thuốc “bất thiên”  
Đủ tiền đủ vị thiếu tiền hốt vơ”  
[72, tr. 730]

Đặc biệt, gần cuối tác phẩm, Nguyễn Đình Chiểu đã dựng một cảnh tra án, gồm án thầy thuốc trái (đậu mùa), án thầy châm cứu, án thầy thuốc nam, án thầy pháp, án thầy chùa,... ông đã phê phán kịch liệt những người mượn tiếng Adi, Lão giáo để chữa bệnh, bốc thuốc cho người dân:

“Sách nào trị bệnh người ta  
Nước hòa tro giấy gọi là thuốc linh”  
[72, tr. 826]

“Dám đem thuốc Bắc trộn vào thuốc Nam  
Thầy chỉ sách vở lam nham”  
[72, tr. 818]

Ông cực lực lên án những người dùng tà thuật để mê hoặc lòng dân. Ông bêu diếu một loạt đạo sĩ, nào là Trương Bưu đời Hán, nào là Triệu Quý Chân đời Đường, những người đã từng cho mình có thuật kêu mưa, hú gió, làm thánh làm thần, để đi đến kết luận:

“Ấy đều đạo sĩ chước hay,  
Đời nào suy yếu, chẳng may gặp chàng

Gặp chàng ở nước nước loạn,  
Ở nhà, nhà bại, rõ ràng sách ghi.”

[72, tr. 823]

Làm thuốc trở thành một việc làm nhân nghĩa cao cả. Làm thuốc là để cứu người, giúp đời. Làm thuốc không đơn thuần chỉ là một nghề mà nó trở thành một “đạo” - “đạo y”, “nho y”:

“Tưởng là đạo thuốc thâm u,  
Hay đau y cũng trong nho một nghề”

[72, tr. 809]

Nghĩa là Nho thấm vào y, y là theo Nho. Nho lại chính là đạo làm người, chuẩn mực răn dạy con người. Vì thế khi hỏi về Âm chất, Tiều không nói đi học làm thuốc mà lại nói là đi “Học làm người, đi cầu đạo”. Trong tác phẩm này, Nguyễn Đình Chiểu đã không ít lần lặp đi lặp lại “đạo đời”, “nghe đạo”, “thấy đạo”, “bảo đạo”, “lòng đạo”, “đạo vị”, “đạo ta”...

Với Nguyễn Đình Chiểu khi viết “*Ngư Tiều y thuật vấn đáp*” chính là việc ông đã giảng giải cho nhân dân những kiến thức về y học, dạy đạo làm thuốc cứu người và cũng là dạy về đạo làm người. Yêu nước và yêu thương con người chính là giúp “sống dân”, “giữ nước”. Ngoài ra, ông còn chú trọng phép dưỡng sinh:

“Dưỡng sinh hai chữ tin như lời này  
Cớ sao còn kẻ chơi mây,  
Lìa đời dứt thói gọi thầy tu tiên?”

[72, tr. 738]

Ông khuyên mọi người sống điều độ, thanh tâm quả dục, giữ thân nuôi lòng, khuyên mọi người thực hành dưỡng sinh. Đó là những tư tưởng có giá trị sống mãi trong thời đại hiện nay.



### **2.3. Ý nghĩa hiện thời triết lý nhân sinh của Nguyễn Đình Chiểu trong “Ngư Tiều y thuật vấn đáp”**

Nguyễn Đình Chiểu đã để lại cho dân tộc ta một tấm gương cao đẹp về ý chí, nghị lực vươn lên trong khó khăn gian khổ, một trí thức yêu nước suốt đời gắn bó với nhân dân, đề cao người nông dân, một thầy thuốc luôn lấy chữ “*tâm*” đặt lên hàng đầu, luôn tìm mọi cách để chữa bệnh cứu dân. Đặc biệt với người thầy thuốc Nguyễn Đình Chiểu không chỉ chữa bệnh về nội thương (thể xác) mà quan trọng hơn đó là chữa bệnh (ngoại cảm) do cảnh xã hội đau thương gây nên khiến người ta u mê về tinh thần. Đây chính là thành công của người thầy thuốc, là đạo lý sống, là lòng đạo, là nhu cầu bên trong của bản thân Nguyễn Đình Chiểu “Lòng đạo xin tròn một tấm gương”. Qua tác phẩm “*Ngư Tiều y thuật vấn đáp*” chúng ta thấy được, thể xác có ốm đau, đôi mắt có mù lòa vẫn không ngăn nổi việc ông kiên quyết theo đuổi thực hiện “lòng đạo”, thực hiện nó như một nhu cầu, một lý tưởng nhân nghĩa, yêu nước cứu dân. Điều này cũng chính là yếu tố tạo nên sự khác biệt giữa ông với nhiều nhà tư tưởng khác trong lịch sử dân tộc.

Nguyễn Đình Chiểu đã chịu ảnh hưởng sâu sắc của những quan niệm đạo đức, của những truyền thống văn hóa tốt đẹp của nhân dân và của cuộc đấu tranh trước mắt. Những bài học về đạo đức làm người đã được nâng lên thành những triết lý nhân sinh cao cả và thiêng liêng, nhưng lại được biểu hiện bằng những chân lý giản dị, đầy sức thuyết phục. Vì vậy tư tưởng của ông thể hiện yếu tố nhân dân sâu sắc, là tư tưởng tiến bộ cách mạng, đại diện cho những truyền thống quý báu của dân tộc, cho ý thức kiên cường và tự giác của nhân dân trong thời đại mà tư tưởng Việt Nam chưa được tiếp xúc với những tư tưởng cách mạng lớn của thế giới nhất là tư tưởng của giai cấp vô sản. Điều làm nên giá trị nữa của triết lý mà Nguyễn Đình Chiểu thể hiện chính là việc ông sử dụng thể truyện Nôm, diễn ca dưới thể thơ lục bát với lối tư duy cụ thể, quan điểm này

đã giúp ông tìm tòi những phương pháp độc đáo trong việc diễn đạt lại những ý tưởng của các nhân vật chính. Điều này đã giúp cho nhân dân Nam bộ khi ấy dễ nhớ, dễ thuộc, do đó kiến thức y học dễ đi vào lòng người, tạo sức sống, sức lan tỏa lớn, góp phần làm nên thành công của tác phẩm, được coi là một trong những đỉnh cao của quá trình dân tộc hóa Đông y. Tác phẩm từng được coi là giáo trình phổ cập lý thuyết Đông y bằng tiếng Việt đầu tiên cho tầng lớp nho sỹ bình dân trong bối cảnh thuộc địa, đồng thời là tác phẩm đánh dấu một bước đột phá của Đông y Việt Nam, điển hình cho đường hướng nhân dân hóa nền y học dân tộc.

Với lời mượn xưa để nói nay (U Yên - sáu tỉnh Nam Kỳ, Khiết Đan - quân xâm lược Pháp và Thạch Tấn - Tự Đức và triều đình của Tự Đức) rõ ràng một thời kỳ lịch sử Trung Hoa đã được “hiện đại hóa” một cách tích cực trong *Ngư Tiều y thuật vấn đáp...*, nhờ màu sắc lịch sử đã đem lại cho tác phẩm một giá trị đạo đức chân thực.

Bên cạnh những giá trị kể trên, triết lý nhân sinh của Nguyễn Đình Chiểu cũng bộc lộ một số hạn chế nhất định. Trong bối cảnh đất nước bị thực dân Pháp xâm chiếm, triều đình phong kiến bất lực trong cuộc chiến với kẻ thù, lần lượt kí kết các hòa ước, Nguyễn Đình Chiểu vẫn thể hiện niềm tin vào đáng minh quân giúp dân cứu nước. Mặc dù đã nhận ra được sự yếu kém của vua quan nhà Nguyễn nhưng ông vẫn duy trì đường hướng cứu nước là vua Thánh tôi Hiền. Đây cũng là hạn chế chung của trí thức Nho học Việt Nam nửa cuối thế kỷ XIX, mà tiêu biểu là phong trào Cần Vương. Sự thất bại của phong trào Cần Vương trong cuộc kháng chiến chống Pháp đã vạch rõ hạn chế của trí thức, sĩ phu Nho học đương thời trong đó có Nguyễn Đình Chiểu là nhân quan chính trị vẫn bó hẹp ở ngôi vua, theo hệ tư tưởng phong kiến trong khi giai cấp thống trị phong kiến đã không đảm đương được trách nhiệm lịch sử của mình.

Ngoài ra, sau khi thực dân thực hiện chính sách khai thác thuộc địa đã tiến hành áp dụng nền y học phương Tây tại Việt Nam. Thông qua những phương pháp chữa bệnh bằng y học hiện đại, hiệu quả trong chữa bệnh của Tây y ngày nay ai cũng thấy rõ ràng lấn lướt Đông y. Nhưng Nguyễn Đình Chiểu cũng như một số thầy thuốc khác đã đồng nhất y học phương Tây với chủ nghĩa thực dân xâm lược không nhận thức được các tiên bộ khoa học kỹ thuật mà Tây y mang lại (Pháp đã thành lập được nhà thương Chợ Quán, đi vào hoạt động năm 1864). Do vậy, trong bối cảnh đó, Nguyễn Đình Chiểu cũng chỉ biết tìm cách học thuốc và chữa bệnh theo phương pháp Đông y (Trung Quốc); đề cao phương pháp chữa bệnh bằng Đông y để cứu dân. Cũng như các bậc tiền nhân trước đó như Tuệ Tĩnh, Hải Thượng Lãn Ông Lê Hữu Trác, Nguyễn Đình Chiểu đã đề cao các sách Nội kinh, Kinh Dịch, Y học nhập môn của Trung Hoa.

Bên cạnh đó, thông qua việc lên án những hiện tượng giả danh, lừa lọc... cho thấy Nguyễn Đình Chiểu có quan niệm những kẻ ác chỉ bị trừng phạt chủ yếu sau khi đã chết - công lý nói chung được thực hiện ở thế giới bên kia nhiều hơn. Điều này không đem lại giá trị giáo dục thiết thực và ước mơ “trời đất an ngôi cũ” của ông khi đó, không còn phù hợp với tình hình đất nước và lịch sử dân tộc lúc bấy giờ, phần nào đã thể hiện tính duy tâm.

Ngày nay, Việt Nam đang trong quá trình đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phấn đấu sớm đưa nước ta trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại. Triết lý nhân sinh trong “*Ngư Tiều y thuật vấn đáp*” của Nguyễn Đình Chiểu vẫn giữ nguyên giá trị đồng thời còn có ý nghĩa to lớn hơn bởi nó góp phần làm sâu sắc hơn hệ giá trị nhân văn dân tộc, định hình lại những giá trị cốt lõi trong đạo đức con người Việt Nam hiện nay. Đó là lối sống nhân nghĩa, có trách nhiệm với cộng đồng, sự yêu thương, đùm bọc giúp đỡ lẫn nhau trong hoạn nạn...

Thế chế kinh tế thị trường ngày càng phát huy tác dụng. Mục đích của kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là phát triển lực lượng sản xuất tăng năng suất lao động, phát triển kinh tế, xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, nâng cao đời sống của nhân dân. Bên cạnh đó với việc xây dựng đời sống văn hóa mới đã góp phần tích cực thúc đẩy con người Việt Nam đổi mới nhận thức, lối sống theo hướng hiện đại. Xa rời hơn với nhiều giá trị đạo đức truyền thống. Tư tưởng dân chủ, ý thức cá nhân, tự ý thức về bản thân, chủ nghĩa cơ hội, lợi ích nhóm có cơ hội phát triển. Có thể nói, hiện nay “môi trường văn hóa bị xâm hại, lai căng, thiếu lành mạnh, trái với thuần phong mỹ tục” [13, tr. 169]. Một bộ phận có thái độ sùng bái nước ngoài, coi thường nhiều giá trị truyền thống của dân tộc. Đặc biệt quốc nạn tham nhũng, chạy chức, chạy quyền, suy thoái, tự diễn biến về tư tưởng đạo đức: “một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên, trong đó có những đảng viên giữ vị trí lãnh đạo, quản lý, kể cả một số cán bộ cao cấp, suy thoái về tư tưởng, đạo đức với những biểu hiện khác nhau về sự phai nhạt lý tưởng, sa vào chủ nghĩa cá nhân ích kỷ, cơ hội thực dụng, chạy theo danh lợi, tiền tài, kèn cựa địa vị, cục bộ, tham nhũng, lãng phí, tùy tiện, vô nguyên tắc,...” [14, tr. 22]. Đó là những chướng ngại vật lớn đối với quá trình đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước hiện nay. Vì vậy, chúng ta phải “coi trọng giáo dục lý tưởng, giáo dục truyền thống lịch sử cách mạng, đạo đức lối sống,... ý thức trách nhiệm xã hội” [13, tr. 216]

Ngoài ý nghĩa nói trên, triết lý nhân sinh của Nguyễn Đình Chiểu trong tác phẩm “*Ngư Tiều y thuật vấn đáp*” còn có một ý nghĩa rất thiết thực đối với lĩnh vực y tế hiện nay. Trong xã hội hiện nay, vấn đề y đức ngày càng được quan tâm và bàn luận, có lúc, có nơi trở thành chủ đề nóng, y, dược cổ truyền, dược liệu dân tộc chưa được phát huy tốt như trong nghị quyết số 20 (Hội nghị trung ương 6 khóa XII) đã nêu.

Triết lý nhân sinh trong tác phẩm “*Ngư Tiều y thuật vấn đáp*” của Nguyễn Đình Chiểu có ý nghĩa lớn trong việc phê phán hiện tượng “*dung y*” ngày nay. Trong thời gian qua, có rất nhiều hiện tượng tiêu cực trong ngành y: các phòng khám với các bác sĩ, móc ngoặc để chặt chém bệnh nhân; nhập trang thiết bị y tế cũ, lạc hậu; trục lợi bảo hiểm; sản xuất thuốc chữa ung thư giả; mỹ phẩm giả... Vậy ai đã dung túng cho những hiện tượng này? Trách nhiệm thuộc về ai?...

Bên cạnh những tác động tích cực trên bình diện toàn xã hội thì chúng ta cũng không thể phủ nhận thực tế đó là, kinh tế thị trường đã ảnh hưởng tiêu cực không nhỏ tới người thầy thuốc. Ít nhiều đã làm xói mòn đạo đức của người thầy thuốc: kê đơn thuốc đắt tiền để nhận tiền hoa hồng; lơ là sao nhãng tắc trách trong công việc; y - bác sĩ gây hậu quả nghiêm trọng không dám nhận trách nhiệm; máy móc, dập khuôn, không cấp cứu kịp thời đòi đủ thủ tục trong khi tính mạng bệnh nhân nguy cấp; không chấp hành đúng quy trình để tình trạng nhiễm khuẩn; thờ ơ, lạnh nhạt, thiếu nhiệt tình với bệnh nhân khi chưa nhận được phong bì; tình trạng thầy thuốc vi phạm y đức mà nhức nhối nhất là tệ nạn phong bì trong các bệnh viện khiến cho dư luận hết sức bức xúc; Đáng lưu tâm là trong khi nhà nước đang có nhiều cố gắng trong việc tăng cường công tác chăm sóc sức khỏe cho người dân thì nạn nhận phong bì lại chủ yếu xảy ra tại bệnh viện, các cơ sở khám chữa bệnh công lập. Điều này diễn ra trong một thời gian dài đã góp phần làm giảm sút niềm tin trong nhân dân. Rồi đến điểm tuyển sinh đầu vào (18 điểm) hệ bác sĩ đa khoa của đại học Kinh doanh và Công nghệ; tình trạng học không tới nơi tới chốn của một bộ phận sinh viên y dược trong khi đầu vào là những học sinh xuất sắc; thái độ trong học tập chưa nghiêm túc, thiếu tính định hướng - giáo dục nghề nghiệp, thụ động; ý thức tự giác chưa cao, ý thức chính trị chưa rõ ràng...

Ngày nay, y đức không còn là vấn đề riêng của ngành y tế mà nó là một thành tố của đạo đức xã hội, một trong những truyền thống cao đẹp của dân tộc

ta. Trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ngành y tế cũng không tách khỏi cái chung của toàn xã hội. Mỗi cán bộ y tế phải đấu tranh để giữ vững bản chất, bảo vệ sự trong sáng của y đức, trau dồi chuyên môn nghiệp vụ trước cám dỗ của đồng tiền, của thị trường tự do... không có sự phân biệt đối xử giữa các bệnh nhân dù giàu hay nghèo. Có thể nói, bằng cuộc đời và sự nghiệp của mình, Nguyễn Đình Chiểu đã góp phần xứng đáng cho đời sống văn hóa dân tộc trải qua thử thách nghiệt ngã được bảo tồn và phát triển. Sống trong tình thương và sự kính trọng của nhân dân, những người làm nên lịch sử và sáng tạo văn hóa, Nguyễn Đình Chiểu mãi mãi là một nhân cách lớn, một nhà văn hóa chân chính của nhân dân, một nhà tư tưởng đáng kính của dân tộc.

## Kết luận chương 2

Như vậy, thông qua tác phẩm truyện thơ “*Ngư Tiều y thuật vấn đáp*”, chúng ta có thể nhận thấy triết lý nhân sinh của Nguyễn Đình Chiểu thể hiện ở hai nội dung cơ bản. Đó là đạo sống của con người trước biến cố của lịch sử và quan niệm về Y đạo. Đặc biệt, Nguyễn Đình Chiểu đã lòng đạo làm người trong quan niệm vị trí, vai trò của người thầy thuốc trước hiện thực đất nước. Ông cho rằng con đường học tập của người thầy thuốc rất gian nan, khúc khuỷu vì vậy người học thuốc không được “lây lắt”. Người thầy thuốc phải đặc biệt nêu cao đạo đức của người thầy thuốc, phải coi trọng sinh mạng người dân dù cho họ là ai, hoàn cảnh như thế nào. Qua đó cho thấy rằng, đã làm người trong trời đất, đặc biệt đã làm thầy thuốc phải có lòng “hiếu sinh”, sống có nghĩa có tình, yêu thương hết lòng hết sức cứu mang, giúp đỡ nhân dân, sống trong sạch giữ trọn khí tiết, chuẩn mực đạo đức. Phải biết ngay thẳng, chính tà, dứt khoát, yêu ghét rõ ràng, tin vào chính nghĩa.

Với tư tưởng trên, Nguyễn Đình Chiểu đã góp phần làm sâu sắc hơn hệ giá trị nhân văn cao đẹp của dân tộc, định hình lại những giá trị cốt lõi trong đạo đức con người Việt Nam hiện nay. Khẳng định vai trò quan trọng của công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân và đặc biệt nhấn mạnh tới y đức của người thầy thuốc; lợi thế của y, dược cổ truyền, dược liệu dân tộc trong chữa bệnh cho nhân dân.

## KẾT LUẬN

Nguyễn Đình Chiểu (1822-1888) không chỉ là một nhà Nho, một thầy Đồ, chuyên làm nghề dạy học, ông còn thể hiện rõ là một nhà tư tưởng tiêu biểu của Việt Nam trong công cuộc chống thực dân Pháp xâm lược nửa cuối thế kỷ XIX. Thông qua tác phẩm, chúng ta thấy Nguyễn Đình Chiểu đã đau buồn trước thực trạng đất nước bị chia cắt. Ông đã lên án việc triều đình Tự Đức đầu hàng giặc và mạnh mẽ tố cáo nhà vua hèn nhát, bạc nhược. Bằng việc mượn lời những nhân vật trong truyện để nói lên lòng yêu nước, căm thù giặc, khinh ghét những bọn vô liêm sỉ, làm mất thể diện dân tộc, can tâm làm tay sai cho thực dân xâm lược, dùng ngòi bút để không ngừng đấu tranh với địch, với bọn phản dân, phản nước, tỏ rõ nỗi lòng cay đắng và nêu cao phẩm giá trong sạch. Có thể thấy xuyên suốt tác phẩm “*Ngư Tiều y thuật vấn đáp*” là quan niệm về đạo lý làm người, tái khẳng định giá trị đạo đức Nho giáo trong truyền thống văn hóa dân tộc.

Nguyễn Đình Chiểu đã bảo vệ cho những chuẩn mực đạo đức của dân tộc, của lý tưởng nhân nghĩa. Trong cảnh tối đen của dân tộc, vẫn có những điểm sáng như niềm chính khí xua tan đi những u ám đang đè nén nhân dân Nam bộ. Rồi như tiếp lửa, ông nêu lên niềm lạc quan tin tưởng rằng mai đây đất nước sẽ qua cơn bĩ cực, hết thời kỳ đen tối, trời sáng ra:

“Đạo đời có thịnh có suy

Hết cơn bĩ bế tới kỳ thái hanh”

[72, tr. 723]

Đó cũng như niềm mong mỏi mắt ông được sáng ra. Từ sự lên án, Nguyễn Đình Chiểu đã đi đến khẳng định trách nhiệm của giới nho sĩ trí thức đối với đất nước đang trong cảnh nguy nan là đấu tranh chống lại thế lực ngoại xâm, sẵn sàng tham gia khởi nghĩa bảo vệ độc lập dân tộc trong khi triều đình nhà Nguyễn đã không đảm đương được trách nhiệm đó.



Bên cạnh việc thể hiện đạo lý, lẽ sống nhân nghĩa của con người trước hiện thực đất nước bị chia cắt, trong tác phẩm, Nguyễn Đình Chiểu còn chỉ rõ cho những người trí thức khi ấy một con đường để hành đạo. Đó chính là “hành nghề thuốc” để chữa bệnh cứu người. Đây là lẽ sống cao cả mang tính nhân văn, cao đẹp nhất giúp hòa hợp trời đất với con người. Có thể thấy, rõ ràng ở đây, Nguyễn Đình Chiểu đã khéo léo trong việc lồng ghép y đạo trong đạo lý làm người của con người, giúp giữ trọn đạo “hiếu sinh” trong trời đất. Cứu người, giữ trọn sinh mệnh của con người là ý nghĩa tối thượng trong cuộc sống. Nguyễn Đình Chiểu đã rất quan tâm tới y học với thái độ đương thời rất khoa học. Ông cho rằng phải nghiên cứu y học rất kỹ lưỡng, không làm liều, phải học tập suốt đời. Điều này đã giúp làm nên sự nghiệp làm thuốc cứu người của ông xứng danh một lương y bác học “lương y như lương tướng”.

Ngày nay, đất nước đang trong quá trình đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, hội nhập quốc tế sâu, rộng. Triết lý nhân sinh trong “*Ngư Tiều y thuật vấn đáp*” của Nguyễn Đình Chiểu không chỉ có giá trị về mặt tư tưởng, văn hóa mà nó còn có giá trị lý luận và thực tiễn đối rất sâu sắc với bối cảnh đất nước hiện nay. Nó góp phần làm sâu sắc hơn hệ giá trị nhân văn dân tộc, định hình lại những giá trị cốt lõi trong đạo đức con người Việt Nam. Đó là lối sống nhân nghĩa, có trách nhiệm với cộng đồng, sự yêu thương, đùm bọc giúp đỡ lẫn nhau. Giúp mọi người thấy rõ được giá trị của sự yêu thương, đùm bọc, đoàn kết, sống trách nhiệm, không thờ ơ, vô cảm trước khó khăn của đồng loại. Hạn chế những lối sống lệch lạc, vị kỷ trong một xã hội đầy xô bồ cám dỗ.

Ngoài ra, triết lý nhân sinh của Nguyễn Đình Chiểu trong tác phẩm “*Ngư Tiều y thuật vấn đáp*” còn có một ý nghĩa rất thiết thực đối với lĩnh vực y tế hiện nay. Khẳng định vai trò quan trọng của công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân và đặc biệt nhấn mạnh tới y đức của người thầy thuốc; lợi thế của y, dược học cổ truyền, dược liệu dân tộc trong khi hiện nay nhiều người lại quá đề cao Tây y.

Coi trọng chữa biểu hiện bệnh, xem nhẹ việc chữa căn nguyên của bệnh, gốc rễ bệnh của Đông y... Đó là những kinh nghiệm hết sức quý báu được Nguyễn Đình Chiêu dày công sưu tầm và tích lũy, là bài học có ý nghĩa sống động đối với sinh viên ngành y cũng như đội ngũ y bác sĩ ngày nay.

Với những giá trị và công hiến trên, Nguyễn Đình Chiêu luôn là tấm gương sáng tiếp tục đồng hành cùng chúng ta trên đường xây dựng một xã hội phát triển, công bằng và hạnh phúc với một nền văn hóa coi trọng con người và giá trị thuộc về con người, mang bản sắc dân tộc đậm đà, hòa nhập với các giá trị phổ quát mà nhân loại dày công giữ gìn, xây đắp. Tác phẩm “*Ngư Tiều y thuật vấn đáp*” đã góp phần đánh dấu một giai đoạn phát triển trong sự nghiệp sáng tác của Nguyễn Đình Chiêu và đạt tới đỉnh cao trong bối cảnh đất nước bị chia cắt đau thương.

## DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đào Duy Anh (1957), *Hán Việt từ điển*, Nxb Trường Thi, Hà Nội.
2. Phạm Văn Ánh (2009), *Nguyễn Đình Chiểu tác phẩm chọn lọc*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
3. Lại Nguyên Ân (1999), *Từ điển văn học Việt Nam từ nguồn gốc đến hết thế kỷ XIX*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
4. Bertrand Russell (1972), *History of Western Philosophy*, Simon & Shuster.
5. Bộ Y tế (1996), *Sơ lược Lịch sử Y tế Việt Nam*, Nxb Y học, Hà Nội.
6. Nguyễn Công Bình, Văn Tạo, Phạm Xuân Nam, Bùi Đình Thanh (1985), *Lịch sử Việt Nam*, Tập 2, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
7. C.Mác và Ph.Ăngghen (2000), *Toàn tập*, Tập 2, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
8. Nguyễn Huệ Chi (1983), *Mấy vẻ mặt thi ca Việt Nam (thời kỳ cổ - cận đại)*, Nxb Tác phẩm mới Hội nhà văn Việt Nam, Hà Nội.
9. Nguyễn Đình Chiểu (1982), *Thơ văn yêu nước*, Nxb Ty Văn hóa - Thông tin Bến Tre, Bến Tre.
10. Phan Huy Chú (1960), *Lịch triều hiến chương loại chí*, Tập 2, Nxb Sử học, Hà Nội.
11. Nguyễn Trọng Chuẩn, Nguyễn Văn Phúc (đồng chủ biên) (2003), *Mấy vấn đề đạo đức trong điều kiện kinh tế thị trường ở nước ta hiện nay*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
12. Daniel K. Gardner (2016), *Dẫn luận về Nho giáo*, Nxb Hồng Đức, Hà Nội.
13. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
14. Đảng Cộng sản Việt Nam (2012), *Hội nghị lần thứ tư, Ban Chấp hành TW khóa XI*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

15. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
16. Xuân Diệu (1998), *Các nhà thơ cổ điển Việt Nam*, Nxb Hà Nội, Hà Nội.
17. Nguyễn Đăng Duy (1998), *Nho giáo với văn hóa Việt Nam*, Nxb Hà Nội, Hà Nội.
18. Lê Trần Đức (1983), *Nguyễn Đình Chiểu với Ngự Tiều y thuật vấn đáp*, Nxb Y học, Tp. Hồ Chí Minh.
19. Trịnh Hoài Đức (1998), *Gia Định thành thông chí*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
20. Đoàn Lê Giang (2001), *Ngôi sao sáng trong văn nghệ dân tộc*, Nxb Trẻ, Tp. Hồ Chí Minh.
21. Nguyễn Thạch Giang (2000), *Từ ngữ thơ văn Nguyễn Đình Chiểu*, Nxb Tp. Hồ Chí Minh, Tp. Hồ Chí Minh.
22. Bảo Định Giang (1990), *Những ngôi sao sáng trên bầu trời văn học Nam bộ nửa sau thế kỷ XIX*, Nxb Văn học, Tp. Hồ Chí Minh.
23. Trần Văn Giàu (1963), *Vì sao tôi thích đọc Nguyễn Đình Chiểu*, Tạp chí văn học, (số 1)
24. Trần Văn Giàu (1983), *Đạo làm người từ Lý Thường Kiệt đến Hồ Chí Minh*, Nxb Quân đội Nhân dân, Hà Nội.
25. *Giáo trình Triết học Mác - Lênin* (2008), Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
26. Lương Viên Hải (2008), “*Văn hóa - Triết lý và triết học*”, Tạp chí Triết học, (số 10), tr. 17-23.
27. Hồ Sĩ Hiệp (1996), *Nguyễn Đình Chiểu*, Nxb Văn nghệ, Tp. Hồ Chí Minh.
28. Hồ Sĩ Hiệp (1996), *Nguyễn Đình Chiểu tác phẩm học trong nhà trường*, Nxb Văn nghệ, Tp. Hồ Chí Minh.
29. Đỗ Đức Hiểu (2004), *Từ điển văn học*, Nxb Thế giới, Hà Nội.
30. Phan Văn Hùm (1938), *Nỗi lòng Đồ Chiểu*, Editions Đỗ Phương Quế, Chợ Lớn.

31. Phan Văn Hùm (1952), *Ngư Tiều y thuật vấn đáp*, Nxb Tân Việt, Sài Gòn.
32. Mai Huỳnh Hoa (1935), *Tiểu sử cụ Đồ Chiểu*, Báo Tân Văn (Sài Gòn), số 27, ngày 16 tháng 02 năm 1935.
33. Kiều Thu Hoạch (2011), *Truyện Nôm lịch sử hình thành và bản chất thể loại*, Nxb Văn hóa - Thông tin, Hà Nội.
34. Đinh Gia Khánh (2001), *Điện cố văn học*, Nxb Văn học, Hà Nội.
35. Vũ Khiêu (1987), *Người trí thức Việt Nam qua các chặng đường lịch sử*, Nxb Tp. Hồ Chí Minh, Tp. Hồ Chí Minh.
36. Nguyễn Hiến Lê (2006), *Tuyển tập Triết học*, Tập 1, Nxb Văn học, Hà Nội.
37. Vũ Đình Liên, *Từ nhân sinh quan đến thẩm mỹ quan của Nguyễn Đình Chiểu*, [www//nguyendinhchieu.vn](http://www/nguyendinhchieu.vn), 12/2017.
38. *Lịch sử văn học Việt Nam* (1980), Tập 1, Ủy ban Khoa học Xã hội Việt Nam, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
39. Nguyễn Lộc (1997), *Văn học Việt Nam nửa cuối thế kỷ XVIII - hết thế kỷ XIX*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
40. Huỳnh Lứa (1987), *Lịch sử khai phá vùng đất Nam Bộ*, Nxb Tp. Hồ Chí Minh, Tp. Hồ Chí Minh.
41. Phương Lựu (2003), *Lí luận văn học*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
42. M. Gorki (1970), *Bàn về văn học*, Tập 1, Nxb Văn học, Hà Nội.
43. Hồ Chí Minh (2000), *Toàn tập*, Tập 1, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
44. Hồ Chí Minh (2000), *Toàn tập*, Tập 6, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
45. Sơn Nam (1984), *Đất Gia Định xưa*, Nxb Tp. Hồ Chí Minh, Tp. Hồ Chí Minh.
46. Sơn Nam (1997), *Lịch sử khai hoang Miền Nam*, Nxb Tp. Hồ Chí Minh, Tp. Hồ Chí Minh .
47. Sơn Nam (2005), *Nói về Miền Nam, cá tính Miền Nam, thuần phong mỹ tục Việt Nam*, Nxb Trẻ, Tp. Hồ Chí Minh.

48. Nguyễn Thị Nga, Hồ Trọng Hoài (1993), *Quan niệm của Nho giáo về giáo dục con người*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
49. Bùi Mạnh Nhị (1994), *Đặc điểm ca dao - dân ca Nam Bộ*, Tạp chí ngôn ngữ, (số 1).
50. Nhiều tác giả (1964), *Mấy vấn đề thơ văn Nguyễn Đình Chiểu*, Nxb Khoa học, Hà Nội.
51. Nhiều tác giả (1997), *Nguyễn Đình Chiểu từ quan điểm thi pháp học*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
52. Nhiều tác giả (1982), *Nguyễn Đình Chiểu ngôi sao càng nhìn càng sáng*, Nxb Tổng hợp, Hà Nội.
53. Nhiều tác giả (2000), *Từ điển văn học (bộ mới)*, Nxb Thế giới, Hà Nội.
54. Nhiều tác giả (2004), *Từ điển thuật ngữ văn học*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
55. Nhiều tác giả (2006), *Nguyễn Đình Chiểu tác giả trong nhà trường*, Nxb Văn học, Hà Nội.
56. Nhóm Trí thức Việt tuyển chọn và giới thiệu (2012), *Nguyễn Đình Chiểu thơ và đời*, Nxb Văn học, Hà Nội.
57. Vũ Huy Phúc (1979), *Tìm hiểu chế độ ruộng đất Việt Nam nửa đầu thế kỷ XIX*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
58. Vũ Đức Phúc, *Đạo nho và các nhân vật tri thức trong sáng tác của Nguyễn Đình Chiểu*, [www//nguyendinhchieu.vn](http://www/nguyendinhchieu.vn), 12/2017.
59. Lê Chí Quế (1998), *Văn học dân gian Việt Nam*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
60. Hồ Sỹ Quý (1998), *Mấy suy nghĩ về Triết học và triết lý*, Tạp chí Triết học, (số 3), tr. 56-59.
61. Vũ Tiến Quỳnh (1991), *Nguyễn Đình Chiểu - Tuyển chọn và trích dẫn một số bài phê bình và bình luận văn học của các nhà văn, nhà nghiên cứu của Việt Nam và thế giới*, Nxb Tổng hợp Khánh Hòa, Khánh Hòa.

62. Sử quán triều Nguyễn (1974), *Minh Mệnh chính yếu*, tập 3, Nxb Phủ Quốc Vụ Khanh, Sài Gòn.
63. Tuệ Tĩnh (1978), *Hồng nghĩa giáo tư y thư*, Nxb Y Học, Hà Nội.
64. Nghiêm Toàn (1958), *Nguyễn Đình Chiểu: Ngự Tiều y thuật vấn đáp*, Tập san chỉ đạo, (số 20-21), 26-10-1958.
65. *Từ điển Triết học* (1986), Nxb Tiên bộ, Matxcova.
66. Nguyễn Minh Tường (2012), *Lịch sử tư tưởng phương Đông và Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
67. Cao Tự Thanh (1996), *Nho giáo ở Gia Định*, Nxb Tp. Hồ Chí Minh, Tp. Hồ Chí Minh.
68. Tuấn Thành - Anh Vũ (1998), *Nguyễn Đình Chiểu - tác phẩm và dư luận*, Nxb Văn học, Hà Nội.
69. Nguyễn Ngọc Thiện (tuyển chọn) (1998), *Nguyễn Đình Chiểu về tác gia và tác phẩm*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
70. *Thơ văn của Nguyễn Đình Chiểu* (1976), Nxb Văn học Giải phóng, Tp. Hồ Chí Minh.
71. Nguyễn Tài Thư (1993), *Lịch sử Triết học Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
72. Ca Văn Thỉnh - Nguyễn Sỹ Lâm - Nguyễn Thạch Giang (biên soạn) (2016), *Tuyển tập Nguyễn Đình Chiểu*, Nxb Văn học, Hà Nội.
73. Lê Hữu Trác (1964), *Y huấn cách ngôn*, Nxb Y Học, Hà Nội.
74. Lê Trí Viễn (1982), *Nguyễn Đình Chiểu - Ngôi sao càng nhìn càng sáng*, Nxb Tp. Hồ Chí Minh, Tp. Hồ Chí Minh.
75. Lê Trí Viễn (2001), *Đặc trưng văn học trung đại Việt Nam*, Nxb Tp. Hồ Chí Minh, Tp. Hồ Chí Minh.
76. Nguyễn Khắc Viện (1993), *Bàn về Đạo Nho*, Nxb Hà Nội, Hà Nội.
77. Viện Ngôn ngữ học (2004), *Từ điển tiếng Việt*, Nxb Đà Nẵng, Đà Nẵng.

78. Viện Sử học (1976), *Nguyễn Trãi toàn tập*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
79. Viện Văn học (1969), *Mấy vấn đề về cuộc đời và thơ văn Nguyễn Đình Chiểu*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
80. Viện Văn học (1977), *Thơ văn Lý - Trần*, Tập 1, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
81. Nguyễn Hữu Vui (chủ biên) (2004), *Lịch sử Triết học*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
82. Trần Quốc Vượng (chủ biên) (2004), *Cơ sở văn hóa Việt Nam*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
83. Nguyễn Thị Thanh Xuân - Nguyễn Khuê - Trần Khuê (1987), *Sài Gòn - Gia Định qua văn thơ xưa*, Nxb Tp. Hồ Chí Minh, Tp. Hồ Chí Minh.